



SINCE 1989

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018





Lê Thị Phượng: Chủ Tịch HĐQT: SPC luôn nỗ lực vượt sóng gió, thăng trầm để khẳng định vị thế quốc tế, vững bước phát triển bền vững!



Bà Lê Thị Phượng - Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - SPC

Công ty CP Bảo Vệ Thực Sài Gòn (SPC) thành lập từ tháng 3 năm 1989 đến nay vừa tròn 30 năm. Trải qua bao sóng gió, thăng trầm, nhưng với sự quyết tâm, nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty qua các thời kỳ cùng với sự đoàn kết thống nhất của tập thể người lao động, SPC đã luôn vượt qua khó khăn, thách thức, sóng gió, thăng trầm và đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ, từng bước tạo tiền đề để phát triển bền vững trong tương lai, đến hôm nay Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường tại Việt Nam và các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Myanmar... và là một trong những đơn vị top 10 trong hệ thống các doanh nghiệp cùng ngành bảo vệ thực vật.

Với khẩu hiệu "Chất lượng tạo nên thương hiệu vững bền" trong nhiều năm qua Công ty đã đưa ra thị trường những sản phẩm tốt nhất từ đó đã giành được sự tín nhiệm của nông dân, của khách hàng đối với sản phẩm của SPC.



Với mục tiêu sẽ trở thành một doanh nghiệp nông nghiệp hàng đầu trong khu vực, Công ty sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa trong thời gian tới, trong chiến lược phát triển của Công ty cần phát triển kênh phân phối, mở rộng thị trường nước ngoài, nâng cao và giữ vững chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo sự tăng trưởng các chỉ số tài chính. Nâng cao hơn nữa công tác quản lý tài chính, nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành, xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính, mở rộng ngành nghề kinh doanh mới ... để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Bên cạnh đó SPC cũng sẽ quan tâm nhiều hơn nữa trong công tác cán bộ, đẩy mạnh công tác quản trị nguồn nhân lực nhằm đảm bảo đủ nguồn nhân sự kế thừa cấp cao và cấp trung cho công ty. Tập trung công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, phát triển đội ngũ kinh doanh, bác sĩ cây trồng nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của đơn vị trong thời kỳ mới. Tập trung đầu tư máy móc thiết bị có công nghệ vượt trội, năng suất cao để đáp ứng được nhu cầu thị trường, cho ra các sản phẩm có chất lượng. Áp dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất, trong kinh doanh tiếp thị, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm có nguồn gốc sinh học, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm khác biệt với các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh, đồng thời thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo quy định của Cục BVTV...

Ngoài ra, SPC cũng luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi... Luôn chung tay cùng xã hội, cùng cộng đồng xây dựng những ngôi nhà tình nghĩa, tình thương, những mái ấm cho công nhân, chung tay bảo vệ môi trường, góp phần cho những cánh đồng bát ngát chất lượng nông sản an toàn của đất nước Việt Nam ngày càng "xanh thêm xanh" ...

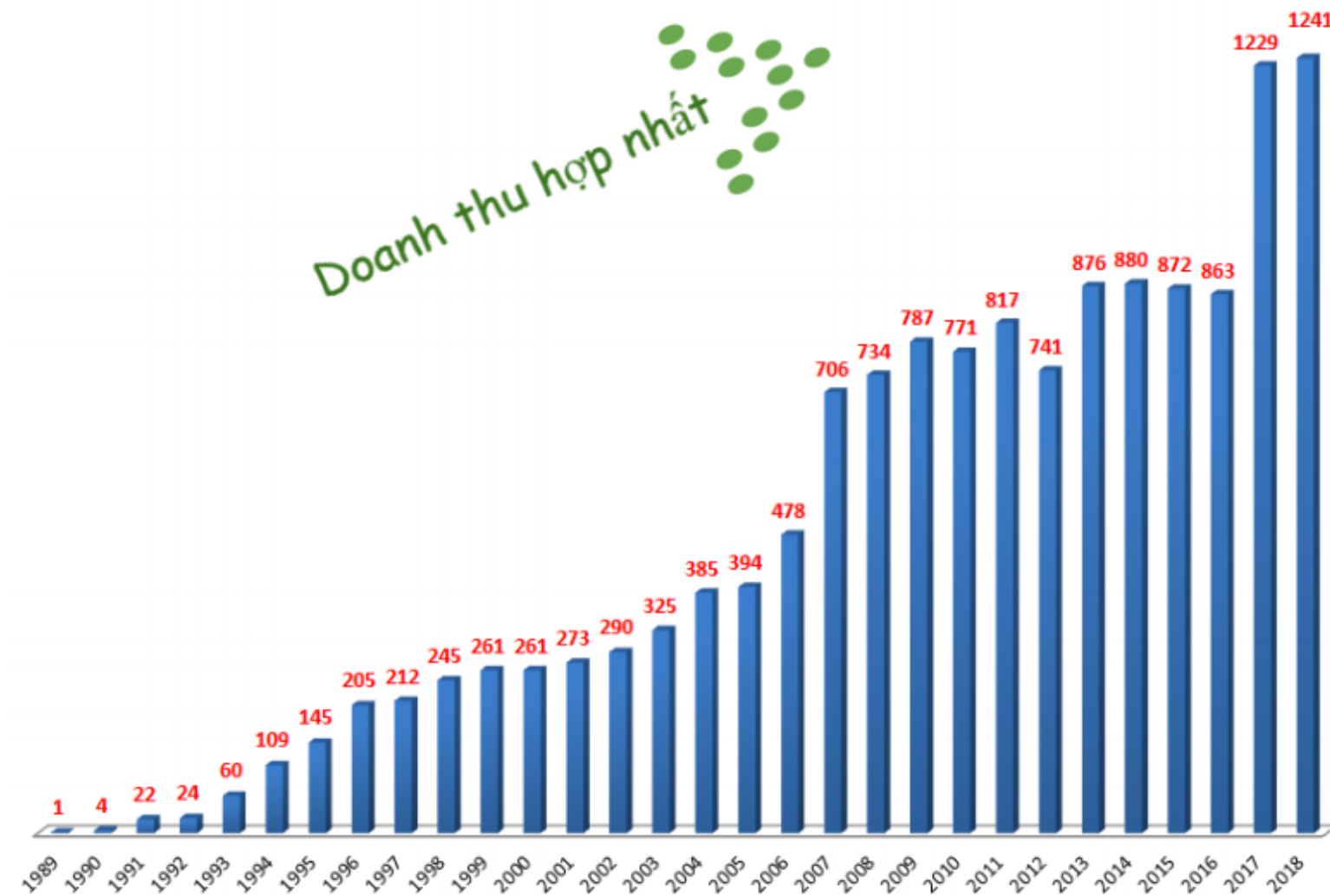
Chặng đường 30 năm đã đi qua! Chặng đường 40 năm, 50 năm ... còn phía trước. Nhưng, với những truyền thống tốt đẹp của SPC luôn năng động, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất cùng với sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp lãnh đạo, các cơ quan chức năng Nhà nước, các Cục, chi Cục cùng sự chỉ đạo sâu sát của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn, sự ủng hộ của các cổ đông, các đối tác, bà con nông dân và các khách hàng... sẽ giúp cho SPC ngày càng phát triển, phát triển bền vững để trở thành một trong những công ty nông nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực.

Tôi tin tưởng rằng trong tương lai Công ty CP Bảo Vệ Thực Sài Gòn - SPC sẽ luôn **"vững bước tiến lên!"**



SPC Xanh, Thêm Xanh

Doanh thu hợp nhất



NỘI DUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	09
Lịch sử hình thành và phát triển	11
Phạm vi và mạng lưới	19
Cơ cấu sản phẩm	29
Mục tiêu, chiến lược	33
Phân tích SWOT	36



TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	41
Thành viên Hội đồng quản trị	45
Thành viên Ban kiểm soát	47
Ban Giám đốc, kế toán trưởng	49
Cơ cấu cổ đông	55
Tình hình tài chính	57



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	63
Báo cáo của Ban Điều Hành	71
Báo cáo của Ban Kiểm Sát	81



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Hội đồng quản trị	95
Báo cáo Kiểm toán độc lập	97
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	98
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	102
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	103
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	105

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Khái quát; Ngành nghề; Quá trình hình thành và phát triển; Mạng lưới; Sản phẩm; Tâm nhìn, sứ mạng; Mục tiêu, chiến lược



Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/05/2015

Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.300.000.000 đồng

Địa chỉ: KP.1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Số điện thoại: 028.38733666

Số fax: 028.38733391 - 028.38733033

Website: www.spchcmc.vn

Mã cổ phiếu : SPC



2018



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng

Kinh doanh thuốc thú y

Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh)

Dịch vụ tư vấn về trồng trọt

Dịch vụ xông hơi khử trùng

Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất

Đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp và kỹ thuật phát triển máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp



30 NĂM

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn



1997

Chuyển thành Xí nghiệp thuốc trừ sâu Sài Gòn: bắt đầu hoạt động như một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập

1993

1994



Đổi tên thành: Công ty TNHH 1 Thành viên BTVT Sài Gòn

Trở thành Công ty Thuốc Trừ Sâu Saigon, tên giao dịch tiếng Anh là Saigon Pesticide Company. Biểu trưng SPC bắt đầu được sử dụng

1989



Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn trực thuộc Chi cục Bảo Vệ Thực Vật Tp.HCM chính thức được thành lập

Mở văn phòng chi nhánh tại Campuchia



2005

2004



Đầu tư thành lập: Xí nghiệp Thuốc Bảo vệ Thực vật Saigon tại KCN Hiệp Phước



2007

2006



Đầu tư thành lập Công ty Nông nghiệp Saigon-Pakse tại Champasak, Lào



09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu 14/6/2008 Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Saigon chính thức hoạt động theo mô hình mới

2008

Đăng ký giao dịch UPCOM 2010

Thành lập Chi nhánh Myanmar



2017

2011 Tăng vốn thành công lên 105,3 tỉ đồng

15/3/2019



Kỷ niệm 30 năm thành lập

NHỮNG GHI NHẬN

- Huân chương Lao động hạng II của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 11/02/2004 về "thành tích xuất sắc trong công tác từ 1998 - 2002 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/8/1997 về "Thành tích xuất sắc trong công tác từ 1992 - 1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Biểu trưng "SPC" liên tục được bình chọn Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao từ năm 2005 đến nay.
- Chứng nhận của tổ chức Quacert và BVQI công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2015 và ISO IEC 17025 từ năm 2001 cho đến nay.
- Chứng nhận ISO 14001 : 2004



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY QUA 30 NĂM 15/3/1989 – 15/3/2019

Ngày 15/3/1989, ngày viên gạch đầu tiên đặt nền móng để xây dựng Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn - nay là Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - SPC.

Khi mới thành lập, Công ty chỉ sản xuất và phân phối 3 sản phẩm, với đội ngũ CB-NV là 30 người. Qua 30 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã có trên 500 cán bộ công nhân viên; quy mô hoạt động với 16 Chi nhánh trong nước, 3 Công ty con ở nước ngoài; nhà máy rộng 4,3 ha tại Hiệp Phước được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001; hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001 liên tục từ năm 1999 đến nay.



Khởi công xây dựng nhà máy

Công ty đã hợp tác nhiều đối tác kinh doanh uy tín trên thế giới như KVF, LG Chem (Hàn Quốc); Haifa (Israel); Nongfeng (Trung Quốc), Agria (Bungari)... Đến nay, bộ sản phẩm của Công ty đã có trên 100 chủng loại, hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc và một số nước lân cận; doanh thu của Công ty hiện đạt trên 1.000 tỷ đồng/năm, là một trong những công ty có thị phần về thuốc bảo vệ thực vật lớn nhất Việt Nam, đã góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nước nhà.

Ba mươi năm đi qua với biết bao thăng trầm và mỗi giai đoạn lịch sử, Công ty đều gặp những khó khăn, thách thức riêng, nhưng với sự góp sức của bao thế hệ cán bộ công nhân viên, Công ty đã vượt qua tất cả, đứng vững đến ngày hôm nay và khẳng định vị thế của mình.

Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2000: Thành lập Nhà máy và tách ra hoạt động độc lập.

Giai đoạn vừa thành lập, cơ sở vật chất còn đơn sơ, bộ máy tổ chức còn tối giản nhưng với lòng nhiệt huyết của toàn thể CB-CNV, sự định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo, sản phẩm của Công ty đã được thị trường đón nhận tích cực, thương hiệu SPC đã bắt đầu lan tỏa.

Ngày 18/02/1993, thực hiện Quyết định số 68/QĐ-UB của UBND TP.HCM, Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển thành DNNN Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn, trực thuộc UBND TP.HCM. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi Chi cục Bảo vệ Thực vật TP.HCM. Đây là bước chuyển biến mạnh mẽ của Nhà máy để thực hiện tự lập về mọi mặt.



Trụ sở Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Mặc dù mới “ra ở riêng” nhưng Nhà máy đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình về sự nghiệp phát triển trong tương lai. Ngày 22/04/1994, theo quyết định số 1177/QĐ-UB-NC của UBND TP.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở thành Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Thời gian này, Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội. Việc ra đời chi nhánh, bước đầu đã thể hiện sự lớn mạnh của Công ty.

Và năm 1997, thực hiện việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn. Công ty tiếp tục phải thực hiện các thủ tục thay đổi và áp dụng cơ chế làm việc mới. Tuy nhiên, các hoạt động của Công ty vẫn phát triển không ngừng.



Lực lượng công nhân Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn những ngày đầu

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, ngày 09/2/2004, theo quyết định số 482/QĐ-UB của UBND TP.HCM, DNNN Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển đổi thành Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Tiếp theo, ngày 30/06/2004, theo quyết định số 3131/QĐ-UB của UBND TP.HCM. Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH 1 Thành viên Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn để phù hợp với hoạt động của Công ty.

Và ngày 27/12/2007, theo Quyết định số 5698/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Ngày 09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được tổ chức, đã thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/6/2008.

Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của Công ty về quy mô hoạt động và mạng lưới kinh doanh. Ngoài việc thành lập 2 công ty con tại Lào và Campuchia, 15 chi nhánh tại khắp các vùng nông nghiệp trên cả nước lần lượt ra đời; Và theo quy hoạch của Thành phố Công ty đã thực hiện di dời và đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc trên khuôn viên rộng 4,3 héc ta tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM, và từ đó bộ phận sản xuất chính thức mang tên Xí nghiệp Bảo vệ thực vật Sài Gòn.



Trụ sở Xí nghiệp Bảo vệ Thực Vật Sài Gòn

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay: Vững bước tiến lên

Sau cổ phần hóa năm 2008, mặc dù nền tảng Công ty đã khá ổn định, thương hiệu của Công ty đã được thị trường đón nhận, song hoạt động của Công ty gặp không ít khó khăn. Giai đoạn này, Công ty vừa phải tự điều chỉnh các hoạt động, nguồn vốn để thích nghi với cơ chế mới, Công ty phải đối đầu với các thử thách trên thị trường như cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 dẫn đến suy thoái nền kinh tế, đặc biệt là khu vực Châu Á đã kéo dài nhiều năm làm tỉ giá biến động thất thường; giá cả nguyên liệu nhập khẩu leo thang,...

Để vượt qua khó khăn chung của ngành thuốc bảo vệ thực vật, Công ty đã thực hiện chiến lược đầu tư sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành hàng sang kinh doanh hạt giống bắp. Tuy nhiên, "mưa không thuận" và "gió không hòa", hầu hết các chiến lược này của Công ty bị thất bại. Đồng thời, giai đoạn này tình hình nhân sự của Công ty bị khủng hoảng trầm trọng. Công ty tưởng như bị "lung lay" bởi khó khăn chồng chất khó khăn. Tuy nhiên, toàn thể CBCNV Công ty đã đoàn kết một lòng để vượt qua, quyết tâm giữ vững mọi hoạt động, kịp thời xử lý các tồn tại và tập trung sâu hơn vào lĩnh vực kinh doanh chính là thuốc bảo vệ thực vật; Đến năm 2010, doanh thu của Công ty đã đạt mức 700 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 25 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty tiếp tục thành lập 1 văn phòng đại diện và 3 chi nhánh trong nước; và qua thời gian thăm dò thị trường đến năm 2017 Công ty chính thức thành lập Chi nhánh tại Liên bang Myanmar.

Năm 2016, Cục Bảo vệ Thực vật thông báo loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty đã mở ngành hàng kinh doanh phân bón, nông sản, nước uống đóng chai, tăng cường đầu tư vốn vào Công ty liên kết; đến tháng 1/2018 Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa chính thức trở thành công ty con của Công ty, và từ tháng 12/2018 Công Ty đã được Chi cục Bảo vệ Trồng Trọt Tp.HCM cho phép đủ điều kiện được tổ chức sản xuất phân bón vô cơ tại Xí nghiệp Hiệp Phước.

Qua 30 năm Công ty đã không ngừng lớn mạnh mở rộng và phát triển mọi mặt, sản phẩm của Công ty đã có mặt khắp các thị trường trong nước và thị trường nước ngoài như Campuchia, Lào, Myanmar.... Và tương lai không xa các sản phẩm của Công ty sẽ vươn tới thị trường các nước trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Có được kết quả như ngày hôm nay, Công ty ghi nhận và luôn biết ơn công sức của các thế hệ cán bộ, công nhân viên người lao động đã gắn bó cả tuổi thanh xuân, cống hiến hết mình và cả đời mình cho sự nghiệp 30 năm vững bước tiến lên của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

30
SINCE 1989 - 2019
VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN

**Chất lượng tạo nên
Thương hiệu vững bền!**

SPC
SINCE 1989

ISO 9001:2015
ISO 14001:2015
GIC
ISO 22000:2018

THANG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO
ĐU HỢP TIÊU CHUẨN
HÀNG CHẠM

COMDA
AQUINPHOS
SK EnSpray 99c
FosFix
ANCHOR GOLD
BE BƯ
Pytalcol
Mangoch
TRNO-601
TRNO-606
SPC-K
13-0-46
15-15-15
16-16-8+13S
17-7-17+TE
20-20-15+TE



CHI NHÁNH HÀ NỘI

BB2-27 Khu Đô Thị Mới Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (024) 3 2009401



VĂN PHÒNG SƠN LA

Khu Đô thị Cơ Khí, Tổ 05, Phường Chuyên Sinh, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La. Điện thoại: (0212) 3 789897



CHI NHÁNH NGHỆ AN

Tầng 2 tòa nhà Mai Linh, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Xã Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An. Điện thoại: (0238) 3 594856



Vững bước tiến lên



CHI NHÁNH AN GIANG
Số 402, Ấp Hòa Long 3,
Thị Trấn An Châu, Huyện Châu Thành,
Tỉnh An Giang.
Điện thoại: (0296) 3 957188

CHI NHÁNH KIÊN GIANG
398A, QL61, Ấp Súa Đũa, Xã Vĩnh
Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành,
Tỉnh Kiên Giang.
Điện thoại: (0297) 3 927754



CHI NHÁNH BẠC LIÊU
Số 218, Đường 23/8, Phường 8,
TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Điện thoại: (0291) 3 831097

CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP
Số 1/7, Đường Hồ Biểu Chánh,
Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh,
Tỉnh Đồng Tháp.
Điện thoại: (0277) 3 872228





CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
 Quốc lộ 1A, Xã Hòa Châu, Huyện Hòa
 Vang, TP. Đà Nẵng
 Điện thoại: (0511) 3 685577



CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
 Số 4738, Quốc Lộ 1A, Ấp Nông Doanh,
 Xã Xuân Định,
 Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
 Điện thoại: (0251) 3 715648

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA
 Số 1022, Đường 23/10, Tổ 1,
 Vĩnh Thạnh, TP. Nha Trang,
 Tỉnh Khánh Hòa.
 Điện thoại: (0258) 3 746706



CHI NHÁNH TÂN AN
 Số 1248 QL 1A, KP. Quyết Thắng,
 Phường Khánh Hậu, TP. Tân An,
 Tỉnh Long An.
 Điện thoại: (0272) 3 599839



CHI NHÁNH ĐẮK LẮK
 Số 12A, Đường Mai Xuân Thưởng,
 P. Thành Nhất, TP. Buôn Mê Thuộc,
 Tỉnh Đắk Lắk
 Điện thoại: (0262) 3 958101

CHI NHÁNH VĨNH LONG
 Số 29B/02 Ấp Long Hưng,
 Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ,
 Tỉnh Vĩnh Long.
 Điện thoại: (0270) 3 878871



**CHI NHÁNH GIA LAI -
 SIÊU THỊ NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN**
 114B Trường Chinh, Phường Phú Đồng,
 Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
 Điện thoại: (0269) 3 748901



CHI NHÁNH CẦN THƠ
 Lô 30A 5 - Khu công nghiệp
 Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy,
 TP. Cần Thơ.
 Điện thoại: (0292) 3 835074

CHI NHÁNH TRẠM DỊCH VỤ
Số 22E Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: (028) 6 2943348



CÔNG TY CỔ PHẦN BVTV SÀI GÒN TẠI CAMPUCHIA
225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.
Điện thoại: (+855) 23 427 224 - Fax: (+855) 23 427 224



Cán bộ SPC Cambodia



Lễ ra mắt sản phẩm mới



Vững bước tiến lên



CÔNG TY TNHH BVTV SÀI GÒN TẠI LÀO
Km 21, Street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District,
ChamPaSak Province, Lao P. D.R



Lãnh đạo Tỉnh Champasak và Huyện Bachieng
tham quan khu trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Trung tâm
Thương mại sản xuất Nông nghiệp Bachieng – SPC Lào



Cán bộ SPC Lào

Vững bước tiến lên



CHI NHÁNH CÔNG TY BTVT SÀI GÒN TẠI MYANMAR
No H101, FMI city, Hlaing Thar Yar township, Yangon, Myanmar



Chủ tịch HĐQT Phát biểu khai mạc tại Lễ ra mắt Chi nhánh Myanmar



Cán bộ SPC Myanmar



Vững bước tiến lên



XÍ NGHIỆP BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Lô C1-C3 KCN. Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Điện thoại: (028) 3 8734089 - Fax: (028) 3 8734090



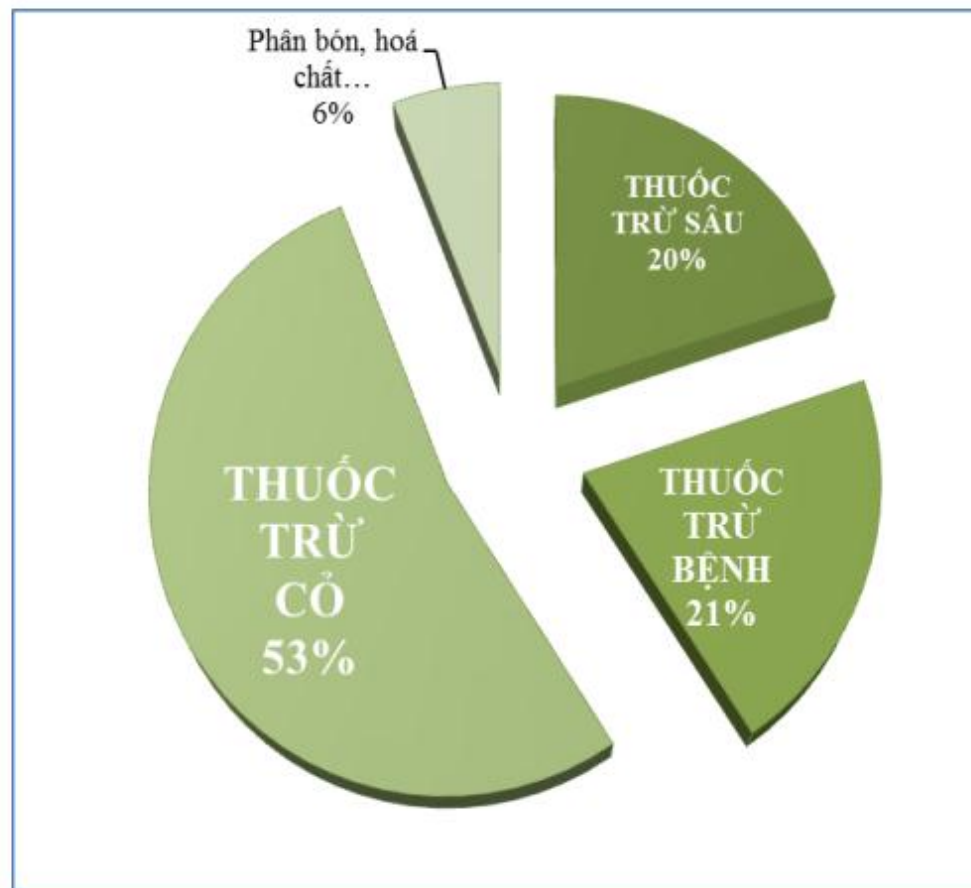
CB-CNV Xí Nghiệp BTVT Sài Gòn



Vững bước tiến lên



CƠ CẤU SẢN PHẨM CỐT LÕI NĂM 2018



Thuốc trừ bệnh:

Là nhóm sản phẩm phụ thuộc vào tình hình thời tiết nhất, theo đó doanh số cũng chuyển biến theo tình hình dịch bệnh trong năm. Trong năm 2018, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 21%.



Thuốc trừ cỏ: do thị trường thuốc trừ cỏ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên cũng như một số công ty khác trong ngành thì nhóm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty với 53%.

Thuốc trừ cỏ lúa



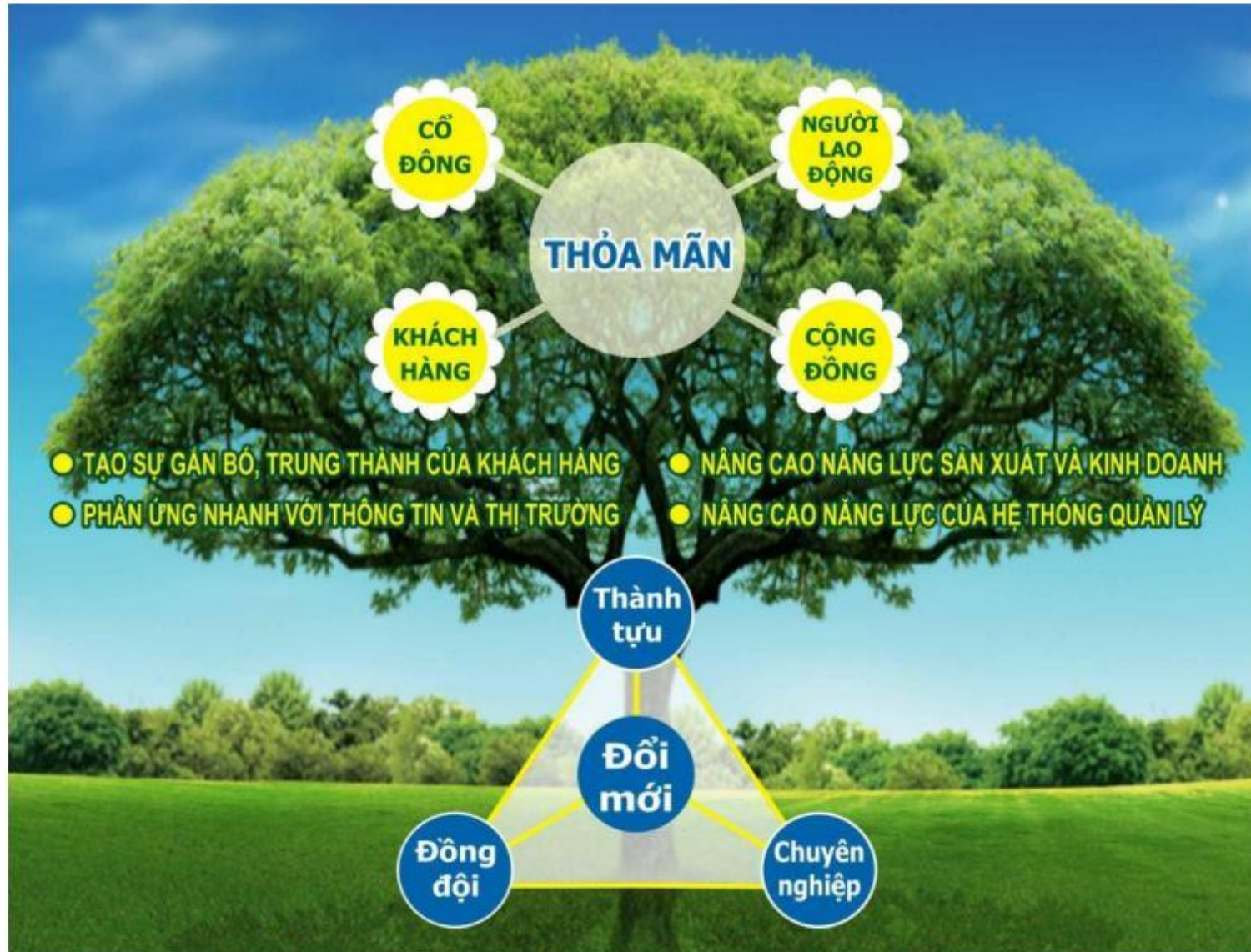
Thuốc trừ cỏ cạn



Thuốc trừ sâu: không như nhóm thuốc cỏ, nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu này phụ thuộc khá nhiều vào tình hình thời tiết, doanh số nhóm thuốc trừ sâu chiếm khoảng 20%.



VĂN HÓA CÔNG TY



TÂM NHÌN

Trở thành Công ty dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

SỨ MẠNG

Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng, và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.

Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi. Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng, và các cổ đông.

Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài, và với khách hàng của chúng tôi để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

Không có người chiến thắng trong đội thất bại, và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.

Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng, và chăm sóc lẫn nhau.

Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền nông nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.

Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tính chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự dấn thân, và những phương pháp làm việc hiệu quả.

Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.

Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn của khách hàng.

Chúng tôi mở rộng tự chủ để đảm bảo sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

- Duy trì và thâm thấu sâu vào thị trường hiện tại: tạo ra sự thỏa mãn và sự trung thành của khách hàng với Công ty
- Sử dụng danh tiếng và sức mạnh của hệ thống hiện tại mở rộng sang những thị trường mới
- Phát triển các chiến lược phát triển Thị trường-Sản phẩm phù hợp với từng thị trường trong từng giai đoạn

2. Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

- Phát triển hệ thống hoạch định, dự báo và thông tin thị trường, cạnh tranh: về sản xuất, sản phẩm, nguyên vật liệu, và khách hàng
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh

3. Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

- Đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất
- Phát triển ứng dụng các sản phẩm của công ty trên cơ sở khai thác những khả năng quan hệ hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ
- Phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực cho các nhu cầu phát triển
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược cho sự phát triển bền vững và cùng có lợi

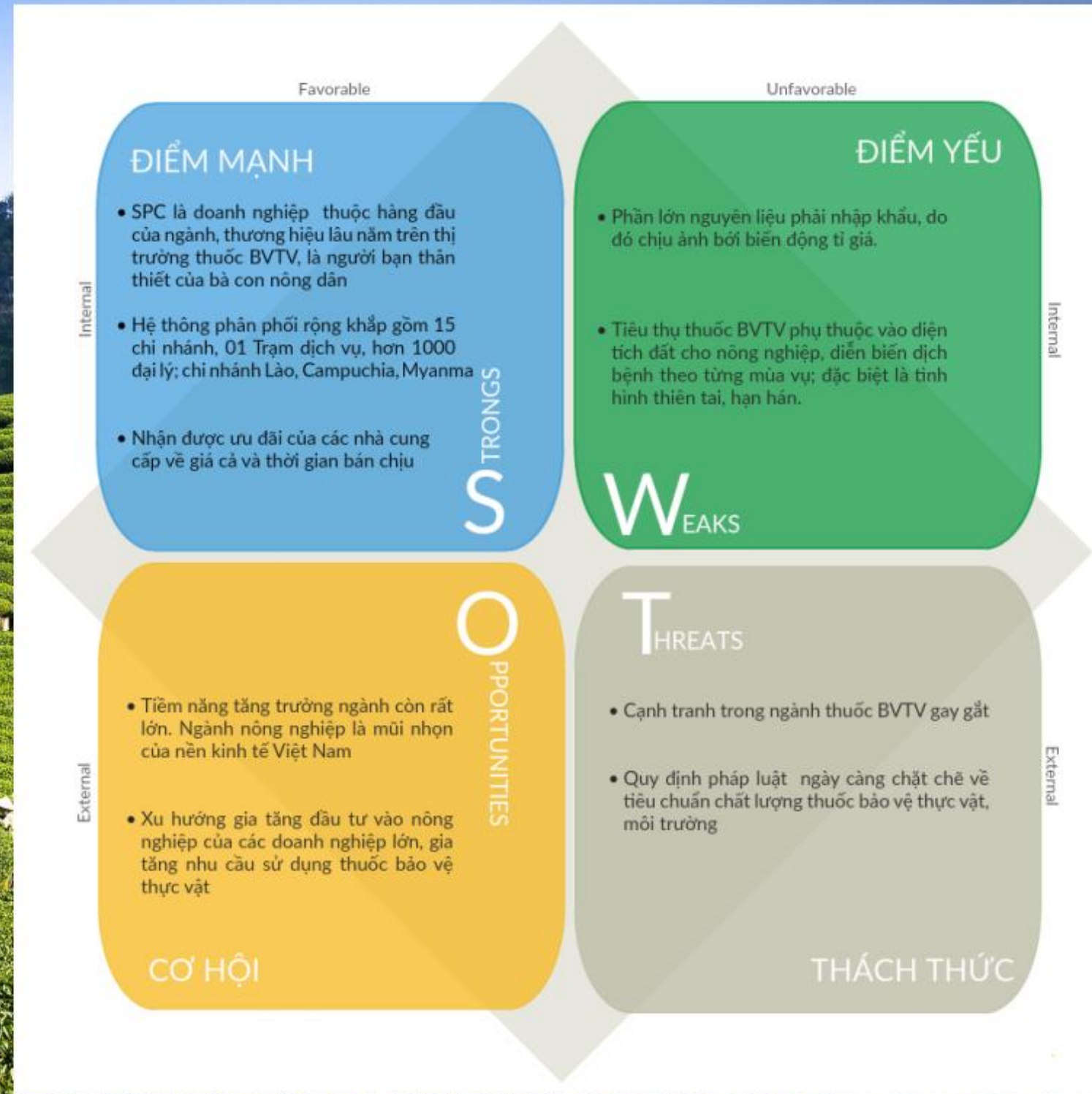
4. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý

- Phát huy tính năng động sáng tạo của toàn thể hệ thống
- Xây dựng cơ chế hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và các cá nhân
- Xây dựng hệ thống mở, huy động tốt nguồn lực trong công ty và xã hội
- Tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của công ty và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội cho sự phát triển của công ty
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

ĐỐI TÁC CỦA SPC



PHÂN TÍCH SWOT



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỔ ĐÔNG



LÃNH ĐẠO CÔNG TY GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nữa
Quyển Giám đốc nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1989 - 1992
- 2) Bà: Lê Thị Bích Liễu
Giám đốc Xí nghiệp thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1992 - 1999
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Giám đốc Công ty thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1999 - 2010
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
Giám đốc Công ty TNHH 1 TV BVTV Sài Gòn - Giai đoạn 2010 - 2015
- 5) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc Công ty cổ phần BVTV Sài Gòn - Giai đoạn 2015 đến nay

PHÓ GIÁM ĐỐC GIAI ĐOẠN 1992 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nữa
PGĐ phụ trách sản xuất - Giai đoạn 1992 - 1998
- 2) Ông: Bùi Văn Thống
PGĐ phụ trách sản xuất - Giai đoạn 1998 - 2007
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Phó giám đốc - Giai đoạn 2008 - 2011
- 4) Ông: Nguyễn Xuân Tiến
PGĐ phụ trách đầu tư - Giai đoạn 2000 - 2015
- 5) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
PGĐ thường trực, phụ trách tài chính - Giai đoạn 2008 - 2010



PHÓ GIÁM ĐỐC GIAI ĐOẠN 1992 ĐẾN NAY

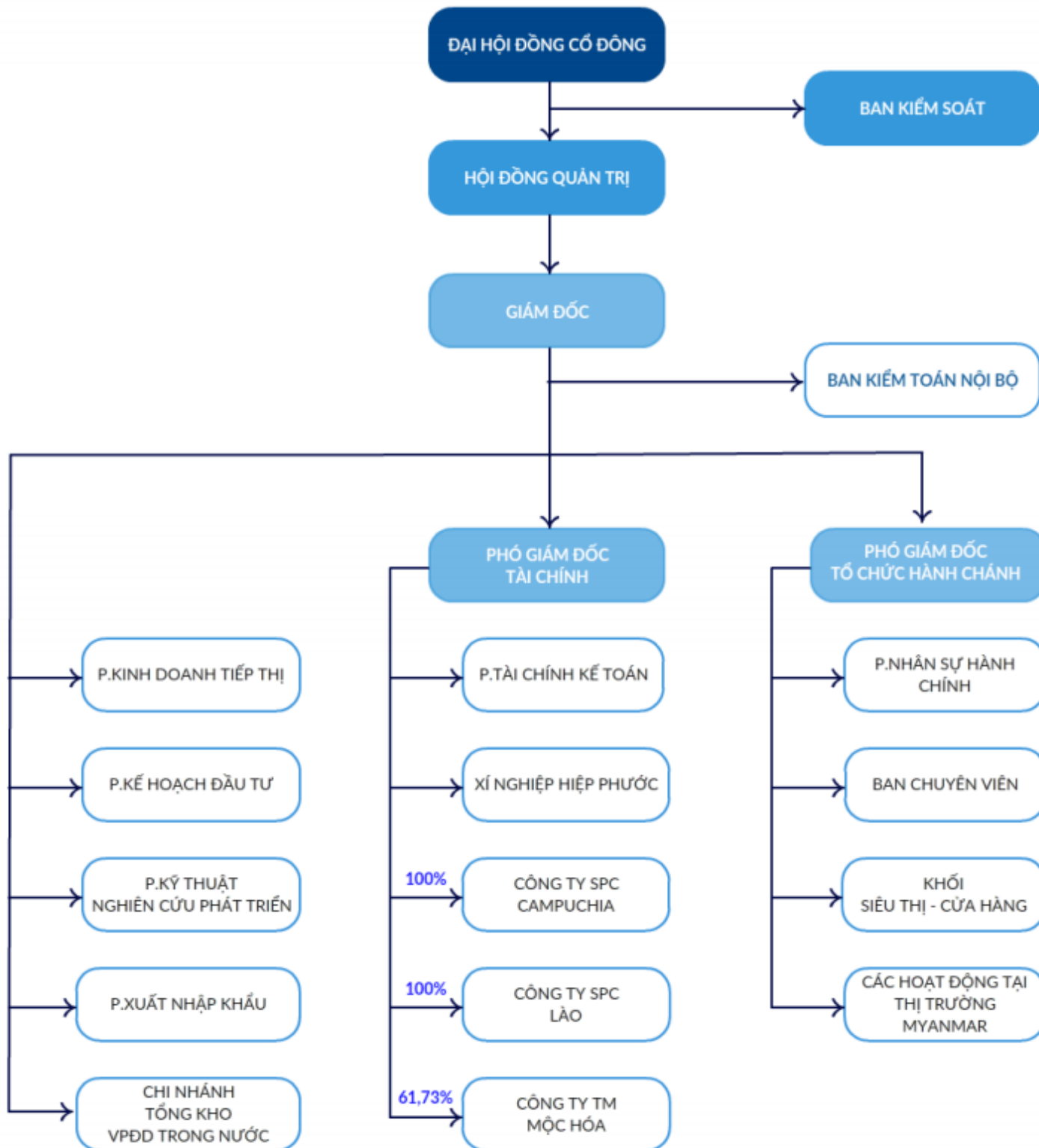
- 6) Ông: Yeo Joo Hua
PGĐ kinh doanh nước ngoài - Giai đoạn 2004 - 2011
- 7) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
PGĐ kinh doanh trong nước - Giai đoạn 2009 - 2015
- 8) Ông: Hà Quốc Cường
PGĐ phụ trách khối sản xuất và nông trại - Giai đoạn 2012 - 2015
- 9) Bà: Nguyễn Ngọc Bích
Phó giám đốc - Giai đoạn 2013 đến nay
- 10) Ông: Điều Quang Trung
Phó giám đốc - Giai đoạn 2015 đến nay

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GIAI ĐOẠN 2008 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng - CT HĐQT -
Giai đoạn 2008 - 2011
- 2) Bà: Phó Nam Phụng - CT HĐQT - Giai đoạn 2011 - 2012
- 3) Ông: Dương Minh Quang - CT HĐQT - Giai đoạn 2012 - 2015
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh - CT HĐQT - Giai đoạn 2015 - 2016
- 5) Bà: Lê Thị Phụng - CT HĐQT - Giai đoạn 2017 đến nay



CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	Địa chỉ	HDKD chính	VDL thực góp
Công ty TNHH BVTV Sài Gòn - Lào	Km 8 street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District, ChamPaSak Province, Lao PRD	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	96 Trần Hưng Đạo, KP1, P1, thị xã Kiến Tường, Long An	Kinh doanh ngành nông nghiệp	9.856.800.000 đ



Văn phòng SPC
KPI, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.HCM

Các phòng ban Công ty



Phòng Nhân Sự
Hành Chính



Phòng Kinh Doanh Tiếp Thị



Phòng Tài Chính
Kế Toán



Phòng Kế Hoạch Đầu Tư



Phòng Xuất Nhập Khẩu



Phòng Kỹ Thuật
Nghiên Cứu Phát Triển



Ban Kiểm Toán Nội Bộ



Vững bước tiến lên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ LÊ THỊ PHƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 1988-1989: Kế toán XNQD Nhựa Cao su Việt Hưng
- 1/1990-6/1990: Kế toán HTX May Hoàng Thịnh
- 8/1990-3/1994: Kế toán tổng hợp Cty Sài Gòn Lao động
- 4/1995-3/1999: NV văn thư vi tính văn phòng cơ quan LĐLĐ.TP
- 1/1995-3/1999: Kế toán tổng hợp Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 3/1999-9/2004: Kế toán trưởng Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 9/2004-10/2010: Phó ban tài chính – kiêm kế toán trưởng LĐLĐ.TP
- 11/2010-10/2014: UV Ban thường vụ -Trưởng Ban Tài chính LĐLĐ.TP
- 11/2014-01/2017: Phụ trách chung Kiểm soát viên Sagri
- Từ 08/02/2017: Thành viên HĐQT SPC
- Chủ tịch HĐQT SPC từ 20/02/2017

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật – Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị.

Học hàm: Phó Giáo sư

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2003: Phó, quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003-2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004- 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005- 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn
- 2007-6/2008: Phó P.KHKD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 6/2008-10/2008: Phó P. KHKD SPC.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009-04/2015: PGĐ KD SPC.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN THỊ THÚY
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC, Kế toán trưởng TCT Nông Nghiệp Sài Gòn

Quá trình công tác:

- 1990 - 1993: Kế Toán XN SX quả bóng bàn, Công ty XNK hàng công nghiệp.
- 1994 - 1997: Kế toán Trưởng TNHH Hoa Danh, Liên doanh Việt Lãng.
- 1998 - 2000: CV Kế toán Thương xá Tax thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2001 - 2007: Phó phòng Kế toán Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2007 - 2008: Cửa hàng Phó Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2008 - 2011: Cửa hàng Trưởng Siêu thị Bàu Cát, Siêu thị Sài Gòn
- 2011 - 2014: Phó Giám Đốc Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2014 - 2015: Phó Giám Đốc Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải thuộc TCT TM Sài Gòn
- Từ 2015: Kế toán trưởng Sagri
- Từ 24/4/2015: Thành viên Hội đồng quản trị SPC

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẶNG THANH CƯỜNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ năm 1979 đến 1985 : CV Trung tâm BVTV phía nam Tiền Giang.
- 1985 – 2015: công tác tại Công ty cổ phần Nông dược H.A.I.
- Từ 26/04/2013: thành viên HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN NHỰT THÔNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 22.100

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Năm 1986: bắt đầu kinh doanh cửa hàng vật tư nông nghiệp tại gia.
- Năm 2007: phát triển hộ kinh doanh nhỏ lẻ ban đầu thành hộ kinh doanh Nhựt thông cho đến hiện nay.
- Từ 08/4/2017: Thành viên HĐQT SPC.

Quốc tịch: Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG TRẦN ĐÌNH VŨ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn : Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100

Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác :

- 07/2007-03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 05/2009-08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào
- 09/2014-12/2014: Kế toán công nợ SPC
- 01/2015-01/2016: Phụ trách kế toán Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015
- Từ 27/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ LƯƠNG THANH HUYỀN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1991 - 1994 NV Kế toán Công ty Dệt Đông Á
- 1995 - 2008: Kế toán trưởng CTCP Artek, Sài Gòn CTT, Viện cơ học ứng dụng
- 2008 – 6/2014: Phó phòng Kế toán CTCP Savimex
- 7/2014 – 5/2015: Phó trưởng phòng KTTTC Công ty Cofidex
- 6/2015 đến nay: Phó trưởng phòng TCKT Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn
- Từ 08/4/2016: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ MAI THỊ LỆ KHUYỀN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.600

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1986-1989 : NV Kế toán Thống kê Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An
- 1989-1991 : NV Kế toán Công ty Thủy sản KV3
- 1992-1995 : NV hành chính Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 1996-9/2004 : NV Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 10/2004 – 2008 : NV Tổng hợp – Tài chính, Phòng Quảng bá, Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 2008 – 2009 : Nhân viên Tổng hợp – Tài chính Phòng Marketing SPC
- Từ Tháng 10/2009 đến Tháng 7/2012: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SPC
- Từ Tháng 4/2010 đến Tháng 4/2015: Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa
- Từ Tháng 6/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

BAN GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Luật – Luật sư thuộc đoàn Luật sư
TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị

Học hàm: Phó Giáo sư

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: TV HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2002: Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2002 - 2003: Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003 - 2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004 - 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005 - 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
- 2007 - 06/2008: Phó Phòng KH- KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 06/2008 – 10/2008: Phó Phòng KH - KD CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH- KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009 – 04/2015: Phó Giám đốc KD trong nước CTCP BVTV Sài Gòn.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT , Giám đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐIỀU QUANG TRUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 2000 – 2003 Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp.
- 2003 – 2004 Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet.
- 2004 – 2007 Kế toán Tổng hợp Công ty SPC.
- 2007 – 2008 Phó phòng Kế toán Công ty SPC.
- 2008 – 2009 Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC.
- 2009 – 2011 Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 2011 - 04/2015 Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- Từ 04/2015: Phó Giám đốc Công ty SPC.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN NGỌC BÍCH
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế QTKD

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC, phụ trách NSHC

Quá trình công tác:

- 1987 – 1994: Nhân viên LĐTTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 1994 – 2008: Phó Phòng TCLĐTTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 2009 – 2011: Trưởng Phòng TCLĐTTL, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 2011 – 12/2013: Trưởng Phòng Kinh Doanh Dịch Vụ, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 12/2013 đến nay: Phó Giám Đốc Công ty Cổ Phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn phụ trách Nhân sự hành chính.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ BÙI THỊ ÁNH TUYẾT
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: cử nhân Tài chính kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân 16.500

Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000-06/2001: thư ký P.Kinh doanh công ty TNHH Khai Nguyên
- 07/2001-10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2001-07/2004: NV kế toán phải thu CTCP BVTV Sài Gòn
- 08/2004-06/2007: NV kế toán thanh toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 07/2007-06/2009: Kế toán trưởng Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- 07/2009-10/2011: Trưởng bộ phận kế toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2011-05/2015: Phó phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn
- Từ 06/2015: Trưởng phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó, CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được công ty sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2018, tổng số lao động của công ty là 525 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	
Số lượng nhân viên, công nhân	525 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	03 người
Cao học, Thạc sỹ	16 người
Dại học, Cao đẳng	230 người
Trung học chuyên nghiệp	27 người
Lao động phổ thông + LD có tay nghề	249 người



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



01 Nguyên liệu, năng lượng

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:
 - + Thuốc BVTV: 6.960 tấn/năm
 - + Phân bón: 660 tấn/năm
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm:
 - + Thuốc bảo vệ thực vật: 5%
 - + Phân bón: không có
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 45.000 kwh/tháng

02 Nguồn nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng sử dụng nước:
 - + Nguồn cung cấp: KCN Hiệp Phước
 - + Lượng sử dụng nước trung bình 800 m3/tháng
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có



“Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.”



01
Gạo cứu trợ
đồng bào lũ
lụt tại nước
bạn Lào



02 Giải bóng
chuyên Xí
nghiệp Hiệp
Phước



03
Phụ nữ
8/3



04
Sinh nhật
SPC 29
năm



05
Học bổng
Nguyễn
Đức Cảnh



06
Nghỉ mát
CBNV tại
Phú Quốc



07
Hội thao
Tổng công
ty Sagri



08
Hội diễn văn
nghệ Tổng
công ty
Sagri



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 30/7/2018

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%	0	0%	6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3.505.250	33,28%	777.730	7,39%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	3.116.850	29,60%	777.730	7,39%	3.894.580	36,99%
- Tổ chức	388.400	3,68%	0	0%	388.400	3,68%
Tổng	9.752.270	92,61%	777.730	7,39%	10.530.000	100%



+ **101%**

DOANH THU

Doanh thu hợp nhất 2018 đạt 1.241 tỉ đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 101% so với thực hiện năm 2017.

+ **100%**

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đạt 39,1 tỉ đồng, 100% kế hoạch năm và bằng 101% so với thực hiện năm 2017.

+ **17%**

CỔ TỨC TIỀN MẶT

Dự kiến duy trì mức cổ tức cao nhất là 17% trong năm 2018.

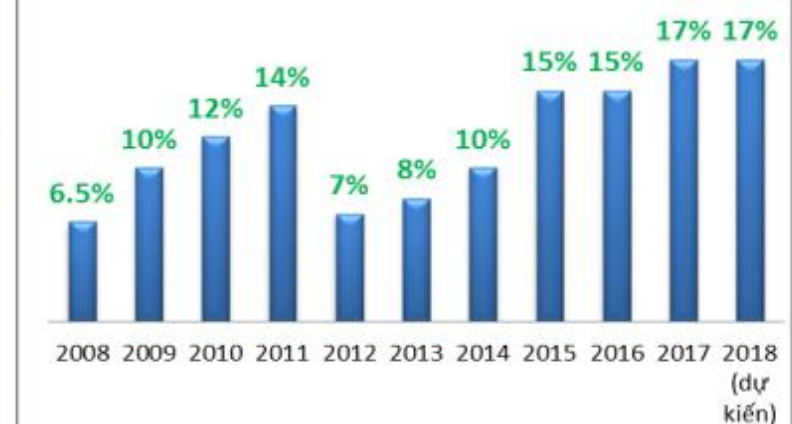


ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Chính sách cổ tức

Chúng tôi quyết định sẽ giành gần 50% lợi nhuận sau thuế năm 2018 (trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2019) để chi cổ tức, chia sẻ lợi ích nhiều hơn cho cổ đông.

Cổ tức bằng tiền



QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ

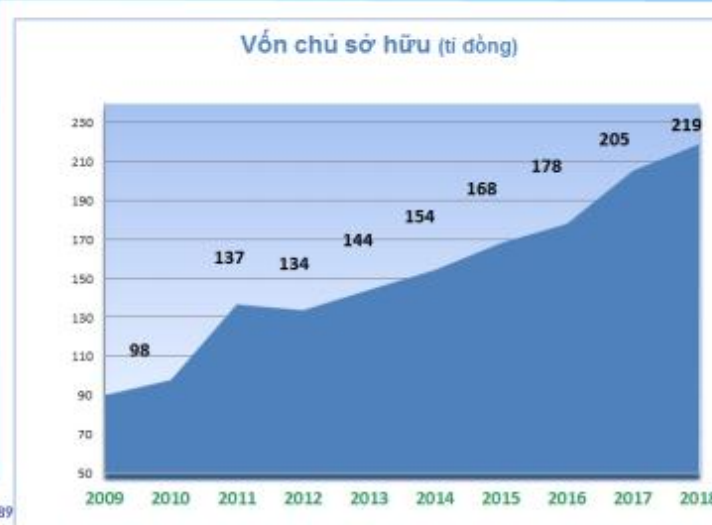
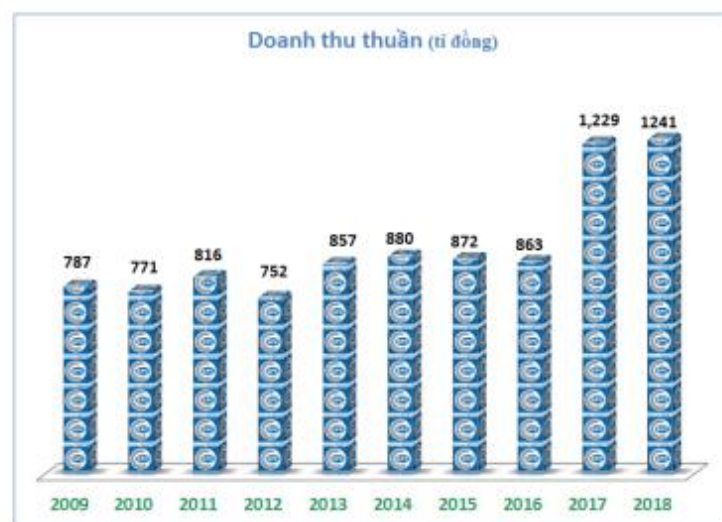
TỈ SỐ TÀI CHÍNH

DOANH THU

TỔNG TÀI SẢN

LỢI NHUẬN

VỐN CHỦ SỞ HỮU



		2013	2014	2015	2016	2017	2018
KHẢ NĂNG THANH TOÁN							
Thanh toán hiện thời	Tình thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1,19	1,31	1,32	1,33	1,27	1,33
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0,55	0,68	0,73	0,83	0,45	0,49
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	5,5	7,4	12,6	12	14,2	7
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN							
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	72%	69%	70%	70%	74%	70%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	69%	66%	67%	68%	73%	67%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy kinh doanh	2,6	2,2	2,2	2,3	2,9	2,3
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	51%	53%	44%	22%	35%	76%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG							
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1,71	1,74	1,66	1,51	1,76	1,62
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	3,3	3,4	3,2	3,2	3,0	2,4
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	5,7	4,5	4,0	3,5	5,4	6,4
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI							
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	24%	24,3%	26,1%	23,4%	19,5%	17,8%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	2,3%	2,5%	3,2%	3,5%	3,1%	3,1%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	18,9%	21,3%	26,6%	29,3%	36,4%	37,1%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho các cổ đông	1.895	2.132	2.662	2.309	3.573	3.785







BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

của

Ban Điều Hành, HĐQT,
Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Năm 2018, trong bối cảnh các doanh nghiệp thuộc bảo vệ thực vật gặp nhiều khó khăn do nhà nước loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, theo đó Công ty SPC cũng đã chịu ảnh hưởng khá nặng nề.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã có những quyết sách, chủ trương thay đổi kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, cùng với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ nhân viên Công ty, năm 2018 Công ty đã hoàn thành khá tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, chi tiết như sau: *Tổng doanh thu hợp nhất: thực hiện 1.242 tỷ, đạt 100,4%*

so với kế hoạch và đạt 101% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận sau thuế: thực hiện 39,1 tỷ, đạt 100,6% so với kế hoạch và đạt 101% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Số liệu tài chính năm 2018 sau khi đã hợp nhất CTCP Thương Mại Mộc Hóa (MJC): Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	1.236.000.000.000	1.241.135.286.191	100,4%
Lợi nhuận trước thuế	51.310.850.000	49.763.135.530	97%
Lợi nhuận sau thuế	38.899.950.000	39.144.001.172	100,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 của SPC

Số liệu tài chính năm 2018 chưa hợp nhất Công ty MJC như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	950.000.000.000	1.014.234.329.972	107%
Lợi nhuận trước thuế	48.110.850.000	49.398.194.135	103%
Lợi nhuận sau thuế	36.499.950.000	38.882.240.104	106%

1.2 Các hoạt động của HĐQT trong năm 2018



Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, năm 2018 vừa qua, HĐQT đã làm tốt các công việc trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, công khai và minh bạch. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành, đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động; đồng thời củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Ngoài ra, HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động của Công ty.

Năm 2018, HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo qui định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp được tổ chức theo đúng qui định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty, theo đó HĐQT đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Triển khai và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng qui định.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý, đánh giá hiệu quả điều hành của Ban giám đốc, hoạt động Ban kiểm soát, những tồn tại chưa giải quyết được.
- Xem xét và thông qua các tờ trình, đề xuất của Ban điều hành nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị được thuận lợi, hiệu quả.
- Cùng Ban điều hành giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1.3 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua với tổng thù lao là 144.000.000 đồng (không bao gồm lương chuyên trách). Chi tiết cho từng thành viên HĐQT như sau:

- Chủ tịch hội đồng quản trị: hưởng lương chuyên trách. (36 triệu đồng/tháng, căn cứ theo hiệu quả hoạt động kinh doanh hàng tháng).
- Thành viên hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng.



1.4 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết.

Các nội dung giám sát có chuyên đề:

- Giám sát việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Giám sát xử lý nợ phải thu, giám sát chất lượng hàng tồn kho thông qua việc thành lập các tổ công tác nhằm xử lý trực tiếp và kịp thời các vấn đề phát sinh và tồn đọng.
- Giám sát việc thu chi tài chính.
- Giám sát việc thanh lý các dự án đầu tư không hiệu quả.
- Giám sát việc thực hiện Quy chế của Ban điều hành...

Trong năm qua, Ban điều hành thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban điều hành đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.



1.5 Nhận xét đánh giá:

Nhìn chung, trong năm 2018, chất lượng hoạt động của HĐQT ngày càng được nâng cao trên cơ sở phát huy tối đa trí tuệ tập thể, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT.



Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

STT	SỐ VĂN BẢN	NGÀY	TRÍCH YẾU
1	02/NQ-BVTVSG-HĐQT	09/02/2018	NQ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018
2	03/NQ-BVTVSG-HĐQT	05/03/2018	NQ Trích lập quỹ tiền lương dự phòng 2018
3	04/NQ-BVTVSG-HĐQT	06/03/2018	Thảo luận các nội dung trình ĐHCĐ 2018
4	06/NQ-BVTVSG-HĐQT	21/03/2018	Thông qua nhân sự và chương trình ĐHCĐ và các nội dung trình ĐHCĐ 2018
5	08/NQ-ĐHCĐ	07/04/2018	NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 (báo cáo công tác 2017 và kế hoạch 2018 và nhiệm kỳ II của HĐQT, báo cáo công tác 2017 và kế hoạch 2018 của BĐH, không chuyển nhượng km21, thành lập công ty con tại Myanmar, bổ sung ngành nghề kd 4711, 4719, 4633, 1104, điều chỉnh điều lệ cty, quy chế quản trị, Chi trả thù lao HĐQT, phân phối lợi nhuận, bầu TV HĐQT và BKS 2018-2022, BC của BKS, lựa chọn cty kiểm toán BCTC)
6	10/NQ-BVTVSG-HĐQT	07/04/2018	NQ bầu bà Lê Thị Phụng - chủ tịch HĐQT chuyên trách NK 2018-2022
7	14/NQ-BVTVSG-HĐQT	17/04/2018	NQ thống nhất nội dung ĐHCĐ MJC
8	17/NQ-BVTVSG-HĐQT	27/04/2018	Kết quả SXKD 3 tháng đầu năm 2018, bổ sung chi phí các hạng mục đi kèm máy đóng gói 3 biên, phân bổ quỹ thưởng BDH 2017, phát sinh 8 ram độc thuộc dự án nhà kho 36x78...
9	18/NQ-BVTVSG-HĐQT	05/06/2018	NQ Miễn nhiệm chức danh GĐCN Nghệ An đối với ông Nguyễn Minh Tuyên Bổ nhiệm Lê Việt Anh - Quyền GĐCN Nghệ An
10	25/NQ-BVTVSG-HĐQT	05/07/2018	Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2018, kế hoạch lao động tiền lương 2018, lựa chọn kiểm toán độc lập 2018 (AISC), hạn mức tín dụng các ngân hàng 2018...
11	21/NQ-BVTVSG-HĐQT	05/07/2018	NQ Vay vốn ngân hàng Nông nghiệp
12	24/NQ-BVTVSG-HĐQT	09/07/2018	NQ Chi trả cổ tức đợt cuối 2017 (10%)
13	28/NQ-BVTVSG-HĐQT	07/08/2018	Chấm dứt hoạt động CN Long An, đầu tư máy bơm màng và phụ kiện, sửa chữa mái tole nhà kho bao bì, điều chỉnh giá máy dán nhãn hồ, đầu tư đường nội bộ xung quanh nhà kho, đầu tư máy dán nhãn decal chai vuông...
14	31/NQ-BVTVSG-HĐQT	17/09/2018	Báo cáo thực hiện ds 2017-2018, đầu tư công nghệ 4.0, chưa đầu tư 01 xe bán tải SPC Lào, KH chi phí 2018 SPC Lào...
15	33/NQ-BVTVSG-HĐQT	10/12/2018	Miễn nhiệm chức danh Trưởng phòng KDTT đối với ông Trần Đình Mẫn Phân công ông Hà Quý Mai Phụ trách chung P.KDTT
16	34/NQ-BVTVSG-HĐQT	10/12/2018	Miễn nhiệm chức danh Trưởng VPĐD Sơn La đối với ông Nguyễn Danh Quân và bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Lộc.
17	36/NQ-BVTVSG-HĐQT	14/12/2018	Điều chỉnh chi phí đầu tư xe ô tô CPC, điều chỉnh tăng giá gói thầu phòng thí nghiệm, KHĐT 2019, bán phế liệu 8 MMTB đề nghị thanh lý còn lại của Lào..



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
 SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

30
 SỰ NGHIỆP 30 NĂM (1989-2019)
 VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN

SPC MART

Gạo thơm - Cơm ngon - Chất lượng!

SPC
 SINCE 1989

ISO 9001:2015
 ISO 14001:2015
 HACCP-SEA
 ISO 18001:2015
 GIC
 ISO 14001:2004

GẠO Việt Nam
GẠO Nhật Bản
GẠO Lào
GẠO Campuchia

Laos Organic CERTIFIED
 CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN ORGANIC
 Milled jasmine rice
 Gạo Kamlat Khmer

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

2.1 Kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2019:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	
	Chưa hợp nhất MJC	Sau khi hợp nhất MJC
Doanh thu thuần	950.000.000.000	1.236.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	46.700.000.000	49.800.000.000
Lợi nhuận sau thuế	37.300.000.000	39.800.000.000
Tỷ lệ chi trả cổ tức	17%	17%

2.2 Giải pháp thực hiện:

- Tập trung trong công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới nhằm thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của nhà nước, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón lá dạng nước, phân hữu cơ vi sinh, các sản phẩm phục vụ nông nghiệp đô thị ...
- Tiếp tục củng cố bộ sản phẩm chiến lược, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường nhằm tạo sự khác biệt, nâng cao năng lực cạnh tranh, khai thác các thị trường tiềm năng còn bỏ ngỏ, .
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm và tăng tính năng cạnh tranh của sản phẩm; đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất nhằm tạo động lực tăng năng suất sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Thực hiện các giải pháp quản lý an toàn tài chính; tối đa hóa việc sử dụng vốn; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản trị tài chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác quản lý kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của nhân viên.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tổ chức các sự kiện như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, hội thảo thương mại kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, ... Ngoài ra, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar để giải quyết bài toán tăng trưởng, đồng thời thăm dò và mở



rộng thị trường tại Thái Lan nhằm tăng giá trị xuất khẩu, bổ sung phần doanh số thiếu hụt do sản phẩm bị cấm kinh doanh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách đào tạo phù hợp cùng với việc phân công, bố trí công việc hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của đơn vị. Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý. Tập hợp các cán bộ lớn tuổi, có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1.1 ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG:



Trong năm qua, do tác động của việc cấm kinh doanh một số sản phẩm theo qui định của Cục Bảo vệ thực vật đã gây nên sự xáo trộn về giá bán ở kênh phân phối, các đơn vị cùng ngành liên tục bán phá giá để đẩy số lượng lớn sản phẩm cấm còn tồn kho do đó đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

Bên cạnh đó, giá các loại nông sản thường xuyên bấp bênh, thị trường gạo xuất khẩu bị thu hẹp trong khi đó giá vật tư nông nghiệp ngày càng tăng nên mức tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật giảm rõ rệt.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã kiên trì xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường bằng chất lượng sản phẩm và chữ tín trong hoạt động kinh doanh, đáp ứng tối đa những yêu cầu của khách hàng và thị trường đang từng ngày không ngừng thay đổi. Nhờ vậy, Công ty vẫn tiếp tục ổn định hoạt động và hoàn thành khá tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2018.

1.2 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

Giá trị sản xuất (theo giá CD 94):

Giá trị sản xuất (theo giá CD 94): thực hiện 723,5 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm và đạt 100,5% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hợp nhất:

Thực hiện 1.242 tỷ, đạt 100,4% so với kế hoạch và đạt 101% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế:

Thực hiện 39,1 tỷ, đạt 100,6% so với kế hoạch và đạt 102,5% so với thực hiện cùng kỳ.

Thu nhập người lao động:

Đạt 101,3% kế hoạch và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

Stt	Chi tiêu	Dvt	TH 2017	Năm 2018			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	2018//2017
1	Giá trị sản xuất (giá CD 94)	1.000 đ	719,811,672	716,700,000	723,596,179	101.0%	100.5%
2	Sản lượng	Tấn	14,380	13,569	13,700	101.0%	95.3%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1,229,075,595	1,236,000,000	1,241,135,286	100.4%	101.0%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	51,288,217	51,310,850	49,763,135	97.0%	97.0%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	38,717,219	38,899,950	39,144,001	100.6%	101.1%
5	Tỷ suất LN/Vốn CSH	%	36.77%	37.00%	37.17%	100.5%	101.1%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	53,050,000	43,000,000	45,234,438	105.2%	85.3%
8	Lao động bình quân	người	526	550	531	96.5%	101.0%
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	12,246,000	12,700,000	12,864,696	101.3%	105.1%
10	Vốn chủ sở hữu	1.000 đ	105,300,000	105,300,000	105,300,000	100.0%	100.0%

Doanh nghiệp được bình chọn liên tục từ 2005 đến nay

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
 DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

www.spchcmc.vn



1.3 VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ:



Chuyển nhượng dự án đầu tư tại Lào: Công ty hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ dự án, máy móc thiết bị nông nghiệp tại Lào với tổng giá trị thu hồi khoảng 18 tỷ đồng (tổng giá trị thu hồi dự án Lào theo Nghị quyết ĐHCĐ 2014 tối thiểu là 16,5 tỷ đồng). Riêng dự án Trung tâm thương mại tại KM21 Công ty đang trình xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố giữ lại để làm văn phòng chi nhánh SPC Lào.



Về dự án đầu tư xây dựng: đã thực hiện xong dự án xây dựng Nhà kho 36 x 78 m và đưa vào sử dụng trong tháng 6/2018. Hoàn tất dự án di dời phòng KCS và cải tạo phòng kỹ thuật tại XNHP; Đang triển khai chào thầu dự án Khu nhà vệ sinh và cải tạo Hội trường tại XNHP với giá trị đầu tư khoảng 3 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trước tháng 6/2019.

Về đầu tư mua sắm máy móc thiết bị: Thực hiện cải tạo nâng cấp 01 dàn máy ra chai thuốc nước tự động qui cách nhỏ giúp tăng 50% năng suất sản xuất; Cải tạo 01 hệ thống ra chai thuốc nước từ 6 vòi lên 10 vòi; Chế tạo thành công xe lọc thuốc giúp xử lý hàng cặn, vốn cục được thuận lợi hơn; Cải tạo, đầu tư trạm máy nén khí tập trung giúp tiết kiệm chi phí điện, kéo dài tuổi thọ máy móc thiết bị có liên quan.

1.4 VỀ LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU – PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI:

Công ty đang tập trung đẩy mạnh công tác đăng ký sản phẩm mới và đăng ký bổ sung nhằm thay thế các sản phẩm cũ, các sản phẩm có hoạt chất bị cấm sản xuất nhằm bổ sung danh mục sản phẩm thay thế chất lượng tốt hơn, không ảnh hưởng đến môi trường như: Saikumi 39.75 SC, Osago 80 WG,

Broadsafe 200 EC, Clearner 75 WP, Tano 606, 601, Phân hữu cơ Organic Nokayo, Yukimoto, SPC-K, Cal, MKP, ...



Ngoài ra, Công ty đã đăng ký bổ sung 4 đối tượng/cây trồng (Brimgold 200 WP/ rệp sáp bột hồng sắc; Comda 250 EC/ rầy xanh/chè; Sago Super 3 GR/ sâu đục thân/mía; Sago Super 3 GR/ bộ hà/khoai lang.), đăng ký mới 7 sản phẩm cho Campuchia, 3 sản phẩm cho Myanmar và 20 sản phẩm cho Lào.



1.5 VỀ CÔNG TÁC VẬN HÀNH NỘI BỘ:

Công ty tiếp tục cơ cấu tổ chức bộ máy từ lãnh đạo đến các phòng, ban theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác đào tạo, tìm kiếm nguồn nhân lực kế thừa nhằm duy trì và đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị;



Đẩy mạnh phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch hàng tháng, quý và cả năm, tổ chức phong trào thi đua tiết kiệm chi phí trên toàn công ty.

1.6 VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH



Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nợ, xây dựng hạn mức tín dụng cho từng khách hàng, siết chặt việc bán hàng cho khách hàng thông qua công cụ hạn mức tín dụng, công nợ quá hạn, ký hợp đồng mua bán đã có hiệu quả trong công tác quản lý công nợ khách hàng, hạn chế được rủi ro tài chính.

Tăng cường giám sát việc áp dụng định mức tồn kho cho từng chi nhánh, khu vực, từng ngành hàng nhằm kiểm soát, tăng vòng quay hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị.



1.7 VỀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG



Thường xuyên đánh giá hệ thống phân phối, xây dựng nhiều chương trình khuyến mại, chương trình chăm sóc khách hàng nhằm củng cố mối quan hệ với khách hàng. Tập trung tăng cường phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Campuchia, Lào, Myanmar, đồng thời tiến hành thăm dò thị trường Thái Lan để định hướng trong thời gian tới sẽ tiến hành đăng ký sản phẩm và phát triển kinh doanh tại thị trường này.



Đẩy mạnh phát triển ngành hàng phân bón, các chế phẩm sinh học như phân bón NPK của Công ty KVF, chất bám dính, phân hữu cơ từ rác, phân bón lá, ...nhằm đa dạng hóa ngành nghề, nâng cao hiệu quả hoạt động, bù đắp doanh số các sản phẩm bị cấm.

2. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

2.1 MỘT SỐ DỰ BÁO THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

Thuận lợi

- Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, công tác quản lý tài chính, marketing phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh cả ngắn và trong dài hạn.
- Các sản phẩm của Công ty đa dạng, chất lượng cao, giá cả hợp lý, cạnh tranh tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp do chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và mang lại hiệu quả cao cho người tiêu dùng.
- Các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường, hệ thống phân phối luôn được giữ vững và phát triển. Đến nay hệ thống phân phối trong nước đạt gần 1000 đại lý các cấp, 15 chi nhánh kinh doanh cho phép sản phẩm thuốc của SPC có mặt ở mọi miền đất nước.
- SPC nhận được tín nhiệm của các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp đầu vào.
- Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành có liên quan (Chi cục BVTV, Trạm khuyến nông, Hiệp hội BVTV)



Khó khăn:

- Dự báo trong năm 2019, Cục Bảo vệ thực vật sẽ cấm thêm một số hoạt chất nữa, do đó áp lực về doanh số sẽ rất lớn, kèm theo đó là việc xử lý tồn kho hàng cấm sẽ còn rất nặng nề, ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị
- Thị trường kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, các chính sách pháp luật về kinh doanh, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật mới ban hành ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tốc độ tăng trưởng ngành thuốc bảo vệ thực vật có xu hướng chậm lại, diện tích đất nông nghiệp trong những năm gần đây có xu hướng giảm. Bên cạnh đó là việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sẽ trở nên thận trọng hơn khi mà các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế ngày càng nghiêm ngặt.
- Tình hình cạnh tranh thị trường vẫn diễn ra hết sức gay gắt, các đối thủ cạnh tranh có nguồn vốn tốt đưa ra những chính sách bán hàng hấp dẫn nhằm lôi kéo khách hàng như cấp tín dụng cao cho khách hàng, áp dụng chính sách gửi kho dài hạn, mở rộng hạn thanh toán cho khách hàng, ...do đó buộc Công ty phải đẩy mạnh các chính sách chiết khấu dẫn đến chi phí hoạt động tăng cao.
- Lãi vay ngân hàng tăng cao trong thời gian qua và đang có chiều hướng tăng thêm trong thời gian tới nên sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị do nguồn vốn lưu động chủ yếu sử dụng vốn vay ngân hàng.



2.2 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2019

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019



Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2018	Kế hoạch 2019	
				Chưa hợp nhất MJC	Đã hợp nhất MJC
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	1.000 đ	719,811,672	716,700,000	723,596,179
2	Sản lượng	Tấn	14,380	13,569	13,700
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1,229,075,595	950,000,000	1,236,000,000
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	51,288,217	46,700,000	49,800,000
4	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	38,717,219	37,300,000	39,800,000
5	Tỷ suất LN/Vốn CSH	%	36.77%	35.42%	37.80%
7	Nợ ngân sách	1.000 đ	45,234,438	43,000,000	43,000,000
8	Lao động bình quân	người	531	550	550
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	12,864,696	12,700,000	12,700,000

Các giải pháp chính để Công ty đạt được kế hoạch đề ra

- Tập trung xử lý dứt điểm lượng hàng mới cấm còn tồn kho trong năm 2019, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ phải thu thông qua chính sách thu tiền, công cụ hạn mức tín dụng nhằm đảm bảo chỉ tiêu Nợ phải trả/Vốn CSH nằm dưới mức cho phép.
- Đẩy mạnh công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của Cục BVTV, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón hữu cơ vi sinh, thức ăn gia súc, ...



- Tập trung phát triển và cung ứng ra thị trường các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường có hiệu quả cao cho nông dân, cạnh tranh được với các sản phẩm của các công ty khác trong cùng ngành.

- Tinh gọn hệ thống kho bãi thông qua các tổng kho, tiến tới sáp nhập một số chi nhánh nhằm tiết giảm chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
- Tập trung đẩy mạnh phát triển thị trường tại Campuchia, Myanmar và Lào, đồng thời thăm dò và mở rộng thị trường tại Thái Lan nhằm tăng giá trị xuất khẩu, bổ sung phần doanh số thiếu hụt do sản phẩm bị cấm kinh doanh.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách thu hút, đào tạo, phân phối và sử dụng một cách hiệu quả trên cơ sở chủ động qui hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng các chức danh then chốt của Công ty.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác giám sát bán hàng và công tác quản lý nhằm nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm thời gian và chi phí quản lý.
- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua tiết kiệm chi phí và hoàn thành kế hoạch SXKD.

KẾT LUẬN:

Trên đây là toàn văn báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và phương hướng năm 2019 của Ban điều hành. Nhiệm vụ SXKD năm 2019 còn nhiều khó khăn, tuy đã có những biện pháp khắc phục và phương án hành động sẵn sàng, nhưng Công ty cũng không thể lường hết những biến cố, rủi ro, do đó để hoàn thành kế hoạch năm 2019, Ban Điều hành Công ty rất mong nhận được sự đoàn kết nhất trí của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự hỗ trợ của lãnh đạo Tổng Công ty, các Sở Ban Ngành thành phố.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018 :

- Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Giám sát tình hình sử dụng lao động và việc chấp hành các chế độ liên quan đến người lao động theo luật định.
- Phối hợp với Ban KTNB tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại các phòng/ban và chi nhánh... Từ đó, báo cáo kiến nghị các giải pháp cho HĐQT và Ban điều hành nhằm ngăn ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến đơn vị và lợi ích của cổ đông.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng qui định của pháp luật; xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Xem xét mức phí và đánh giá năng lực các đơn vị kiểm toán độc lập. Tư vấn HĐQT trong việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin Học TPHCM (AISC) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty. Vào thời điểm giữa năm và cuối năm, BKS phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập xem xét, kiểm tra báo cáo tài chính của đơn vị đảm bảo tính chính xác và minh bạch.
- **Mức thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2018 :**
 - ✓ Trưởng Ban kiểm soát : Hưởng lương chuyên trách
 - ✓ Thành viên Ban kiểm soát : 2 triệu đồng/tháng.



2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN TRÊN BCTC NĂM 2018:

Căn cứ vào Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn, trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản phản ánh tình hình tài sản, nguồn vốn, và kết quả kinh doanh năm 2018 của đơn vị:

	Năm 2017	Năm 2018
2.1 Công nợ phải thu khách hàng:		
Tổng nợ	199.352.986.389	188.196.099.178
Nợ trong hạn :	116.859.611.978	110.827.288.598
Nợ quá hạn:	82.493.374.411	77.368.810.580
Trong đó :		
- Nợ quá hạn từ 01-30 ngày :	26.550.487.545	26.937.023.155
- Nợ quá hạn từ 31-60 ngày :	11.774.981.946	11.507.087.997
- Nợ quá hạn từ 61-90 ngày :	4.463.081.816	2.951.337.045
- Nợ quá hạn >90 ngày :	39.704.823.104	35.973.362.383
Dự phòng công nợ phải thu khó đòi :	(25.064.407.900)	(26.265.408.831)
2.2 Hàng tồn kho :		
Giá trị hàng tồn kho :	472.807.673.297	405.146.066.555
Trong đó :		
- Nguyên liệu, vật liệu, CCDC :	228.466.929.226	143.780.459.514
- Thành phẩm, hàng hóa :	244.340.744.571	261.365.607.041
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho :	(20.218.756.005)	(9.942.403.331)
2.3 Tài sản cố định :		
Nguyên giá :	136.645.447.845	137.687.706.309
Hao mòn lũy kế :	(105.570.037.281)	(107.334.165.962)

2.4 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2018 : DVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
1	Tổng tài sản	801.786		726.103	91%	
2	Nợ phải trả người bán	596.127		506.329	85%	
3	Vốn chủ sở hữu	205.658		219.773	107%	
4	Hệ số nợ/Vốn CSH (lần)	2,9		2,3		
5	Doanh thu (hợp nhất)	1.229.075	1.236.000	1.241.135	101%	100%
6	Lợi nhuận trước thuế	51.288	51.311	49.763	97%	97%
7	Lợi nhuận sau thuế	38.717	38.900	39.144	101%	101%
8	Tỷ suất LN/Doanh thu	3,2%		3,2%	100%	
9	Tỷ suất LN/VCSH	48,7%	37%	47,3%	97%	128%



2.2. Đánh giá kết quả thực hiện

- **Công nợ phải thu** khách hàng đến 31/12/2018: 188.196.099.178 tỷ đồng, giảm 6% (tương đương 11,2 tỷ đồng) so với cùng thời điểm năm 2017. Trong đó công nợ trong hạn giảm 6 tỷ và công nợ quá hạn giảm 5,2 tỷ so với năm trước.

+ Nguyên nhân : Công ty đã ban hành kịp thời nhiều thông báo về xây dựng hạn mức tín dụng đến từng khách hàng, chính sách thu tiền đúng thời điểm và thành lập các tổ công tác hỗ trợ chi nhánh thu hồi công nợ một cách hiệu quả nhất, làm cho công nợ đến cuối năm 2018 giảm đáng kể.

Tuy nhiên, công nợ quá hạn vẫn còn ở mức cao, chiếm 41% tổng nợ phải thu. Trong năm 2018 có phát sinh thêm một số công nợ khó đòi sau :

- ❖ Chi nhánh Tân An : 3.028.276.046 đồng
- ❖ Chi nhánh Đồng Tháp: 533.088.157 đồng
- ❖ Chi nhánh Daklak : 420.668.302 đồng
- ❖ Chi nhánh Bạc Liêu : 285.619.953 đồng
- ❖ Chi nhánh Gia Lai : 265.660.152 đồng
- ❖ Chi nhánh Nghệ An : 186.689.343 đồng
- ❖ Chi nhánh Hà Nội : 142.152.932 đồng
- ❖ Chi nhánh An Giang : 92.043.443 đồng
- ❖ Chi nhánh Cần Thơ : 8.000.000 đồng



+ Nguyên nhân : Tình hình tài chính của khách hàng khó khăn cộng với thời tiết không thuận lợi, giá nông sản bấp bênh làm cho các đại lý khó thu tiền người nông dân để thanh toán đúng hạn cho công ty.

Công nợ phải thu khó đòi được công ty trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

- **Hàng tồn kho** đến 31/12/2018 : 405.146.066.555 tỷ đồng, giảm 14% (tương đương 67 tỷ đồng) so với cùng điểm cùng kỳ năm 2017.

+ Nguyên nhân : Một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật bị loại ra khỏi danh mục theo quy định đã được công ty sản xuất và tiêu thụ đáng kể trong năm 2018, đồng thời công ty tiếp tục xây dựng chi tiết kế hoạch nhập khẩu nguyên liệu phù hợp hơn với năng lực sản xuất của nhà máy và thay đổi chiến lược vật tư, bao bì đồng nhất cho sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh và giảm thiểu tối đa tồn kho, làm cho tồn kho đến cuối năm 2018 giảm nhiều so với thời điểm cùng kỳ năm trước.

Hàng tồn kho chậm luân chuyển, kém phẩm chất được công ty trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng quy định.

- **Hệ số nợ** phải trả trên vốn chủ sở hữu ở mức 2,9 lần năm 2017 đã giảm về mức 2,3 lần :

+ Nguyên nhân: Công nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho giảm nhiều nên công ty có nguồn vốn lưu động tăng thêm, chủ động trong việc thanh toán nợ cho nhà cung cấp và khoản vay các ngân hàng, dẫn đến hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm đáng kể và hệ số này luôn được công ty quan tâm, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ.

- Doanh thu 2018: 1.229 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch năm, đạt 101% so với thực hiện 2017.
- Lợi nhuận sau thuế 2018: 39,1 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch, đạt 101% thực hiện 2017.
- Tỷ suất LNST/Doanh thu năm 2018 : đạt 3,2% tương đương so với năm 2017
- Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn CSH năm 2018: 47,3% đạt 97% so với năm 2017 và vượt 28% so với kế hoạch đề ra..

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2018 :

3.1 Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018

Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau :

- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin Học TPHCM (AISC) thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 theo đúng Nghị quyết.
- Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi theo đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với tỷ lệ 17%/mệnh giá (1.700 đồng/cổ phiếu)
- Đã chi trả thù lao đầy đủ cho HDQT và BKS cũng như khen thưởng HDQT, BKS, BDH theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018
- Công ty đã tiến hành sửa đổi Điều lệ theo nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thông báo đầy đủ kịp thời đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền :

Bổ sung ngành nghề kinh doanh :

- + Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Mã ngành 4711)
- + Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác (Mã ngành 4719)
- + Bán buôn đồ uống có cồn, bán buôn đồ uống không có cồn (Mã ngành 4633)
- + Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Mã ngành 4633)

3.2 Nghị quyết của HDQT năm 2018

- Trong năm 2018, HDQT đã tổ chức nhiều phiên họp định kỳ và đã ban hành 17 Nghị quyết về các nội dung : Miễn nhiệm và bổ nhiệm trưởng các phòng/ban và giám đốc chi nhánh, đầu tư mua sắm móc thiết bị, thông qua kế hoạch tài chính – lợi nhuận, thanh lý tài sản máy móc thiết bị tại Lào...
- Các nghị quyết của HDQT ban hành trong năm 2018 đều được Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên Nghị quyết số : 04/NQ-BVTVSG-HDQT ngày 06/03/2018 về việc thành lập công ty con tại Myanmar thì Ban điều hành chưa thực hiện được trong năm 2018.

4. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

4.1 Về công tác chung :

- BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Hoạt động của công ty là tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của công ty và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- Trong năm 2018 vẫn còn khó khăn do cạnh tranh gay gắt trên thị trường, một số hoạt chất bị loại bỏ ra khỏi danh mục sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của đơn vị, tuy nhiên công ty đã kịp thời đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, nỗ lực tìm kiếm các sản phẩm thay thế, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, tiết kiệm chi phí nhằm hoàn thành kế hoạch được giao

4.2 Về công tác đầu tư :

Stt	Đơn vị	Vốn đầu tư	Lợi nhuận/cổ tức nhận trong năm 2018
1	Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn tại Campuchia (100%)	1.895.355.000	8.090.956.925
2	Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn tại Lào (100%)	19.332.237.752	(2.119.109.331)
3	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (61,73%)	13.996.036.939	492.840.000

- Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh tại Lào chưa hiệu quả, lí do :
 - + Kinh doanh phân bón, thuốc BVTV đạt doanh số còn thấp vì tập quán của người nông dân ít sử dụng thuốc BVTV, phân bón trong nông nghiệp.
 - + TTTM Km21 chưa tạo doanh thu từ cho thuê mặt bằng, kios vì thủ tục xin giữ lại chưa được Sở KH-ĐT thông qua.

- Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh của MJC :
 - + Doanh thu : 297.986.574.563 đồng, đạt 108% so với thực hiện năm 2017
 - + Lợi nhuận sau thuế : 261.761.068 đồng, đạt 10% so với thực hiện năm 2017
 - + Lợi nhuận sau thuế năm 2018 giữ lại, không chia cổ tức
- Văn phòng đại diện tại Myanmar : Mặc dù mới đi vào hoạt động nhưng doanh thu tăng đều qua các năm. Doanh thu đạt được năm 2018: 15 tỷ đồng và kế hoạch năm 2019 được xây dựng là 50 tỷ đồng.
- Dự án tại Lào: Chuyển nhượng xong 4/5 dự án nông nghiệp và tiến hành thanh lý 75/75 tài sản là máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp, phương tiện vận chuyển. Tổng giá trị thu hồi dự án đầu tư tại Lào đến thời điểm hiện nay là: 18 tỷ đồng.
Dự án còn lại: Công ty đang tiến hành các thủ tục để xin giữ lại TTTM Km21 làm văn phòng SPC.Lào kinh doanh thuốc BVTV, phân bón...
- Về dự án đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị : Đã hoàn thành xong và đưa vào sử dụng kho 36 x 78m trong tháng 06/2018 tại XNHP. Bên cạnh đó, công ty cũng đã đầu tư cải tạo nâng cấp máy đóng gói thuốc cô bột, máy ra chai thuốc nước 10 vôi, máy đóng chai thuốc nước SC...nhằm nâng cao năng lực sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.



5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BGD :

- Trong năm qua, giữa BKS với HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.
- HĐQT tiếp tục giám sát chặt chẽ và chi đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.
- Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.



6. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Công nợ phải thu khách hàng của năm 2018 đã giảm so với 2017. Tuy nhiên, công nợ quá hạn vẫn còn cao, ngoài nhưng công nợ khó đòi tồn đọng thì trong năm 2018 có những công nợ khó đòi phát sinh mới. Vì vậy, đề nghị công ty phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, đơn vị có biện pháp xử lý thu hồi những công nợ này, đồng thời tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực bộ phận pháp chế để tích cực tham gia, giải quyết thu hồi những công nợ khó đòi kéo dài.

- Tồn kho cuối năm 2018 đã giảm nhiều so với năm 2017, tuy nhiên hàng hóa và thành phẩm thì lại tăng cao hơn so với năm cũ. Đề nghị công ty tăng cường hơn nữa công tác quản lý hàng tồn kho tại XHNP và các đơn vị chi nhánh, cân đối kế hoạch sản xuất cho phù hợp hơn nữa với tình hình kinh doanh, tìm kiếm đầu ra cho các hàng hóa tồn kho lâu ngày, chậm luân chuyển
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 mặc dù đã giảm nhiều nhưng vẫn còn ở mức cao. Vì vậy, trong thời gian tới công ty tiếp tục quan tâm chú trọng hơn nữa việc kiểm soát nợ phải trả nhà cung cấp và nợ vay các ngân hàng.
- Tăng cường, hỗ trợ, đưa ra các chính sách phù hợp đối với một số đơn vị chi nhánh thường xuyên không đạt kế hoạch kinh doanh
- Hiện nay, hoạt động của một số chi nhánh chưa đạt, thể hiện ở kết quả doanh thu như : CN Gia Lai, CN Đà Nẵng, CN Nghệ An. Đề nghị công ty có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Ngoài ra, công ty đánh giá hoạt động của các chi nhánh dựa vào doanh thu bán hàng đạt được và chi phí phát sinh trực tiếp tại chi nhánh. Do đó, đề nghị công ty xây dựng các tiêu thức phân bổ chi phí phù hợp cho mỗi chi nhánh và có báo cáo đánh giá định kỳ về hiệu quả hoạt động từng chi nhánh. Qua đó giúp cho nhà quản trị xây dựng, định hướng chiến lược kinh doanh hiệu quả hơn.
- Phát triển nguồn nhân lực trẻ, chuyên nghiệp, có đức, có tài để kế thừa và bổ sung kịp thời nhân lực quản trị điều hành nhằm đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của đơn vị.
- Tình hình kinh doanh của SPC.Lào vẫn còn khó khăn do tập quán của người nông dân ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp, do đó công ty cần tập trung xây dựng phương án kinh doanh, chiến lược quảng bá phù hợp hơn để phát triển sản phẩm tại thị trường này.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đăng ký, phát triển sản phẩm mới để thay thế các sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của Cục BVTV nhằm bù đắp doanh thu thiếu hụt để hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho Xí nghiệp Hiệp Phước để nâng cao năng suất và giảm thiểu tối đa chi phí, tăng cường năng lực cạnh tranh. Hoàn thiện quy trình quản lý, đào tạo và thu hút được nhiều nhân viên mới có năng lực. Có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ động viên kịp thời cho nhân viên để công ty vẫn hoàn thành kế hoạch trong bối cảnh kinh tế khó khăn.
- Đối với các ngành nghề kinh doanh mới, cần xem xét kết quả của giai đoạn đầu và xây dựng chiến lược, kế hoạch cụ thể cho ngắn hạn, dài hạn.



7. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019:

- Ban kiểm soát thay mặt cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty;
- Kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát tình hình kinh doanh của Công ty, xem xét tiến độ hoạt động của các dự án, tình hình sử dụng nguồn vốn công ty, tình hình quản lý công nợ, hàng hóa tồn kho;
- Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc.
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.
- Phối hợp cùng kiểm toán nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm soát tại văn phòng công ty và các chi nhánh nhằm nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.
- Thông qua chương trình kiểm toán và trực tiếp tham gia quyết toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cùng đơn vị kiểm toán độc lập.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng và đại diện cổ đông lớn trong việc tổ chức thực hiện kiểm tra các vấn đề được nêu trong đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có)
- Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật..







CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Audit & IT Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

AISC

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-44



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty: các hoạt động chính.

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

Tên tiếng anh: SAI GON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SPC JSC

Mã chứng khoán: SPC (UPCOM)

Trụ sở chính: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)
Ông Đặng Thanh Cương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)
Ông Nguyễn Nhật Thông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)
Bà Lương Thanh Huyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/4/2018)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám Đốc
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

Trung 1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông Nguyễn Quốc Dũng Giám Đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Quốc Dũng
Thành viên Hội đồng Quản trị

Trung 2



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389 A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0718261-HN-CN /AISC-DN3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

**KÊ TÔNG GIÁM ĐỐC
PHỔ TÔNG GIÁM ĐỐC**



Trương Diệu Thúy
Số GCNĐKHNKT: 0212-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN



Lê Thị Thanh Tâm
Số GCNĐKHNKT: 3199-2015-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ho Nai : 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ho Nai City
Branch in Da Nang : 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City
Representative in Can Tho: P9019 - A 200 Nguyen Han St., Ninh Kiều Dist., Can Tho City
Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong

Tel: (84.24) 3782 0045 Fax: (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn
Tel: (84.236) 3747 619 Fax: (84.236) 3747 620 Email: danang@aisc.com.vn
Tel: (84.28) 3832 9129 Fax: (84.28) 3834 2957 Email: cantho@aisc.com.vn
Tel: (84.24) 3782 0045 Fax: (84.24) 3782 0048 Email: haiphong@aisc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		650.472.336.914	739.800.638.850
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	62.463.771.738	70.528.073.514
1. Tiền	111		51.463.771.738	57.528.073.514
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.625.820.117	192.809.580.887
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	188.196.099.178	199.352.986.389
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.536.210.809	9.725.844.907
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5	83.484.774	844.990.472
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12.186.532.325	10.178.479.573
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,6	(29.600.176.234)	(27.467.100.825)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		223.669.265	174.380.371
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	395.203.663.224	452.588.917.292
1. Hàng tồn kho	141		405.146.066.555	472.807.673.297
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.942.403.331)	(20.218.756.005)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.179.081.835	23.874.067.157
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	1.865.361.448	1.264.780.602
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.197.194.543	22.442.435.396
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		116.525.844	166.851.159
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.630.679.798	61.985.213.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.292.570.865	881.635.865
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	2.292.570.865	881.635.865
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.353.540.347	31.075.410.564
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	20.279.022.141	22.862.906.396
- Nguyên giá	222		122.543.354.897	124.535.210.453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.264.332.756)	(101.672.304.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.399.160.770	2.172.427.084
- Nguyên giá	225		6.057.927.610	3.023.813.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.658.766.840)	(851.386.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.675.357.436	6.040.077.084
- Nguyên giá	228		9.086.423.802	9.086.423.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.411.066.366)	(3.046.346.718)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	2.201.532.548	2.532.937.021
- Nguyên giá	231		4.490.000.013	4.547.579.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.288.467.465)	(2.014.642.802)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	15.388.183.679	1.063.700.409
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.388.183.679	1.063.700.409
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.062.243.971	3.935.797.691
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.123.514.981	4.123.514.981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(61.271.010)	(187.717.290)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.332.608.388	22.495.731.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	18.021.218.837	18.770.418.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.23	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		3.311.389.551	3.725.313.245
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		726.103.016.712	801.785.852.395

Ban thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		506.329.414.906	596.127.392.036
I. Nợ ngắn hạn	310		488.072.699.734	582.854.730.754
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	282.457.089.435	454.486.502.616
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	944.073.711	684.730.280
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	1.686.270.191	2.097.253.374
4. Phải trả người lao động	314		27.730.829.848	31.174.646.944
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	122.132.259	3.480.843.463
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	-	852.422.500
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	14.330.871.168	18.208.137.864
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	159.052.131.356	68.399.813.159
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	-	3.306.907.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.749.301.766	163.473.554
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.256.715.172	13.272.661.282
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	3.429.254.000	4.068.254.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	8.258.962.436	3.121.400.529
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	6.568.498.736	6.083.006.753
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Ban thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		219.773.601.806	205.658.460.359
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	219.773.601.806	205.658.460.359
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.300.000.000	105.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.300.000.000	105.300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.589.597.706	1.589.597.706
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		9.280.709.789	8.455.532.463
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.512.727.596	32.457.814.213
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.426.304.211	47.961.382.736
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.566.877.146	10.041.431.625
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.859.427.065	37.919.951.111
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.664.262.504	9.894.133.241
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		726.103.016.712	801.785.852.395

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 7



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.275.434.170.002	1.257.826.840.460
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	34.298.883.811	28.751.244.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.241.135.286.191	1.229.075.595.504
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.020.485.046.883	988.852.144.470
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		220.650.239.308	240.223.451.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	6.059.751.288	7.726.805.861
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	26.644.770.333	19.216.030.341
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.299.275.050	3.821.325.006
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	125.949.174.745	153.286.949.027
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	32.129.571.822	35.264.785.114
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		41.986.473.696	40.182.492.413
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8.821.396.017	11.881.505.050
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.044.734.183	775.780.500
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.776.661.834	11.105.724.550
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.763.135.530	51.288.216.963
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	10.133.642.374	11.814.587.529
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	485.491.984	756.410.525
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		39.144.001.172	38.717.218.909
Cổ đông của Công ty mẹ	61		39.859.427.065	37.710.045.052
Cổ đông không kiểm soát	62		(715.425.893)	1.007.173.857
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	3.785	2.855
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	3.785	2.855

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 8



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.763.135.530	51.288.216.963
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10-13	6.645.296.070	6.751.544.814
- Các khoản dự phòng	03		(8.269.723.545)	2.015.318.299
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.014.369.452)	1.761.014.823
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.245.483.098)	(651.815.162)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	8.299.275.050	3.744.256.780
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.178.130.555	64.908.536.516
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		23.066.944.434	50.590.841.718
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		67.661.606.742	(257.410.138.621)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(195.505.946.825)	121.886.575.036
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		148.619.067	(815.584.162)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	1.837.670.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.179.302.791)	(3.744.256.780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.655.717.511)	(11.044.045.482)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.752.304.428
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.425.577.912)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(70.711.244.242)	(29.038.097.347)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(12.729.530.949)	(3.167.564.856)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		713.454.545	381.905.351
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.485.872.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.524.400.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		371.182.804	1.322.802.366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.644.893.600)	(6.424.329.139)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trung 9

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		671.046.933.149	365.417.487.618
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(576.475.628.645)	(333.007.845.692)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.110.379.329)	(751.441.428)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.678.953.200)	(16.615.600.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		73.781.971.975	15.042.600.148
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(8.574.165.867)	(20.419.826.338)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		70.528.073.514	91.406.420.924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		509.864.091	(458.521.072)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	62.463.771.738	70.528.073.514

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trung 10

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

4. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là :

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 628 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 526 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1 Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty con.

7.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có ba (03) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào (*)	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Cung ứng XK lao động, môi giới thương mại, kinh doanh hàng nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.	61,73%	61,73%	61,73%

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Tại thời điểm hiện tại, Công ty vẫn tiếp tục duy trì lĩnh vực kinh doanh Thuốc Bảo vệ Thực vật. Tất cả các khoản lỗ của Công ty con này đã được Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn dự phòng đầy đủ theo quy định hiện hành.

7.3 Danh sách các cơ sở liên kết, liên doanh:

Công ty có các cơ sở liên doanh, liên kết sau:

- Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiến Tường
- Cơ sở Sản xuất Nước Việt

7.4 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Hà Nội	TP. Hà Nội	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Trạm dịch vụ Bảo vệ thực vật	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Xí nghiệp Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Tân An	Tỉnh Long An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

- Chi nhánh Myanmar
Số H101, FMI City, Quận Hlaingtharyar, Thành phố Yangon, Myanmar
Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 12

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty con

* Khi Công ty tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, ngân hàng Nông nghiệp, ngân hàng BIDV, ngân hàng Vietin. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2018: 23.154 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, ngân hàng Nông nghiệp, ngân hàng BIDV, ngân hàng Vietin. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2018: 23.246 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền đi động

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nhân công chính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 15

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình đến khi tài sản được đưa vào sử dụng.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

06- 25 năm

Máy móc, thiết bị

06- 25 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 16

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	03 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; quyền sử dụng đất.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 năm
--------------------------	--------

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; tiền thuê kho; chi phí phần mềm máy tính; chi phí khác.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (44 năm).

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay, chi phí chiết khấu khuyến mại đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, thông báo khuyến mại của công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng phải trả xử lý hóa chất bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 18

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện.

Khi hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: thuế suất 20%.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018	01/01/2018
Tiền	51.463.771.738	57.528.073.514
Tiền mặt	21.479.518.546	21.832.161.737
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.984.253.192	35.695.911.777
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	11.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	62.463.771.738	70.528.073.514

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem trang 40.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 21



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	188.196.099.178	(26.265.408.831)	199.352.986.389	(25.064.407.900)
Đại lý SEAR KIM SRU	9.060.099.484	-	1.641.387.303	-
Đại lý LIM KUON HENG	2.669.914.080	-	4.923.777.926	-
Đại lý CHHUN HONG	6.987.744.948	-	1.548.839.341	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	169.478.340.666	(26.265.408.831)	191.238.981.819	(25.064.407.900)
Cộng	188.196.099.178	(26.265.408.831)	199.352.986.389	(25.064.407.900)

4. Trả trước cho người bán	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	7.536.210.809	-	9.725.844.907	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Bạch Hạc	-	-	2.770.000.000	-
+ Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hà Huy	-	-	352.800.000	-
+ Các nhà cung cấp khác	7.536.210.809	-	6.603.044.907	-
Cộng	7.536.210.809	-	9.725.844.907	-

5. Phải thu nội bộ	31/12/2018	01/01/2018
	Ngắn hạn	
Chi phí văn phòng Myanmar	83.484.774	844.990.472
Cộng	83.484.774	844.990.472

6. Phải thu khác	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	12.186.532.325	(3.334.767.404)	10.178.479.573	(2.402.692.925)
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	31.633.293	-	56.593.116	-
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	353.461.789	-
Ký cược, ký quỹ	126.802.664	-	194.107.763	-
Tạm ứng	2.726.876.825	(4.175.647)	3.724.381.656	(37.944.727)
Phải thu khuyến mãi	2.435.800.800	-	-	-
Phải thu khác	6.865.418.743	(3.330.591.757)	5.849.935.249	(2.364.748.198)
b. Dài hạn	2.292.570.865	-	881.635.865	-
Ký cược, ký quỹ	2.292.570.865	-	881.635.865	-
Cộng	14.479.103.190	(3.334.767.404)	11.060.115.438	(2.402.692.925)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 22



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nợ khó đòi: xem trang 41.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	1.469.340.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	143.396.984.190	-	226.620.590.079	(901.994.892)
Công cụ, dụng cụ	384.644.754	-	376.999.147	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	194.940.009.152	(9.942.403.331)	184.225.705.055	(18.952.007.796)
Hàng hoá	66.424.428.459	-	60.115.039.016	(364.753.317)
Cộng	405.146.066.555	(9.942.403.331)	472.807.673.297	(20.218.756.005)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 6.394.034.874 VND.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: hàng tồn kho mất phẩm chất chủ yếu là hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng hư hỏng (bể chai, bao bì bị bục xỉ...)... Các hàng tồn kho là hóa chất sẽ được Công ty thuê ngoài để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường về xử lý chất thải nguy hại, riêng đối với các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm (xem thuyết minh số V.21 - Vay và nợ thuê tài chính)

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	15.388.183.679	-	1.063.700.409	-
Dự án Kho Long An	407.320.574	-	407.320.574	-
Dự án kho mở rộng Cần Thơ	158.386.306	-	158.386.306	-
Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3ha KP 10, P12, TX. Kiến Tường	68.867.550	-	68.867.550	-
Dự án kho thành phẩm 36MX78 M ở Xí Nghiệp Hiệp Phước	12.361.588.683	-	429.125.979	-
Chi phí sửa chữa văn phòng công ty	181.399.376	-	-	-
Quyền sử dụng đất đang chờ sang tên Công ty (*)	2.025.068.200	-	-	-
Mua sắm tài sản cố định	185.552.990	-	-	-
Cộng	15.388.183.679	-	1.063.700.409	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 23



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Tại 31/12/2018 trên Bảng cân đối kế toán có giá trị của 35.340 m2 Quyền sử dụng đất sản xuất lúa và đất ở nông thôn nhận chuyển nhượng từ đại lý Đào Ngọc Long để cấn trừ nợ quá hạn. Đến thời điểm này, Quyền sử dụng đất nêu trên vẫn chưa chuyển sang tên Công ty mà do Ông Nguyễn Văn Tiếp và Ông Nguyễn Văn Bé Hai đứng tên theo biên bản phân công người quản lý tài sản của Công ty ngày 01/04/2015 và ngày 11/12/2017.

10. Tài sản cố định hữu hình: xem trang 42.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.023.813.590	-	3.023.813.590
Thuê TC trong năm	-	3.034.114.020	3.034.114.020
Số dư cuối năm	3.023.813.590	3.034.114.020	6.057.927.610
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	851.386.506	-	851.386.506
Khấu hao trong năm	503.968.944	303.411.390	807.380.334
Số dư cuối năm	1.355.355.450	303.411.390	1.658.766.840
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.172.427.084	-	2.172.427.084
Số dư cuối năm	1.668.458.140	2.730.702.630	4.399.160.770

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.999.969.934	553.278.868	533.175.000	9.086.423.802
Số dư cuối năm	7.999.969.934	553.278.868	533.175.000	9.086.423.802
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.959.892.850	553.278.868	533.175.000	3.046.346.718
Khấu hao trong năm	364.719.648	-	-	364.719.648
Số dư cuối năm	2.324.612.498	553.278.868	533.175.000	3.411.066.366
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	6.040.077.084	-	-	6.040.077.084
Số dư cuối năm	5.675.357.436	-	-	5.675.357.436

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 5.253.944.868 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.086.453.868 VND.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 24



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.547.579.823	4.547.579.823
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(57.579.810)	(57.579.810)
Số dư cuối năm	4.490.000.013	4.490.000.013
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.014.642.802	2.014.642.802
Khấu hao trong năm	299.333.341	299.333.341
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(25.508.678)	(25.508.678)
Số dư cuối kỳ	2.288.467.465	2.288.467.465
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.532.937.021	2.532.937.021
Số dư cuối năm	2.201.532.548	2.201.532.548

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa cho thuê tại Huyện Bachiang, tỉnh Champasak, Quốc gia Lào.

14. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.865.361.448	1.264.780.602
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	765.897.635	449.266.061
+ Chi phí bảo hiểm	604.672.537	483.085.756
+ Chi phí thuê kho	166.772.754	124.272.722
+ Các khoản khác	328.018.522	208.156.063
b. Chi phí trả trước dài hạn	18.021.218.837	18.770.418.750
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	14.870.041.463	15.334.730.255
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	240.634.197	378.738.998
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.840.392.577	1.961.265.366
Chi phí cải tạo đất thuê tại Lào	522.039.952	561.780.502
Các chi phí khác	548.110.648	533.903.629
Cộng	19.886.580.285	20.035.199.352

(*) Đây là khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 06 năm 2005.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 25

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	282.457.089.435	282.457.089.435	454.486.502.616	454.486.502.616
+ Kolon Global Corporation	10.674.563.200	10.674.563.200	31.498.888.260	31.498.888.260
+ Nongfeng Agrochem Co.,Ltd	31.877.007	31.877.007	166.990.356.992	166.990.356.992
+ Changzhou Eastchem International	25.935.562.200	25.935.562.200	116.698.034.556	116.698.034.556
+ Công ty TNHH TM & SX Nam Long Phát	22.041.494.189	22.041.494.189	20.154.216.494	20.154.216.494
+ Forward International LTD	964.709.000	964.709.000	17.377.944.000	17.377.944.000
+ Long Fat Global Co., LTD	2.398.499.034	2.398.499.034	11.746.261.860	11.746.261.860
+ Jiangsu Sinamyang Import & Export Co., Ltd	-	-	864.348.000	864.348.000
+ Novatic Chem Co., Ltd	117.449.252.700	117.449.252.700	-	-
+ Phải trả các đối tượng khác	102.961.132.105	102.961.132.105	89.156.452.454	89.156.452.454
Cộng	282.457.089.435	282.457.089.435	454.486.502.616	454.486.502.616

16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
Ngắn hạn	944.073.711	684.730.280
+ Hồ Văn Thiện	-	470.245.935
+ Võ Hoàng Dũng	586.005.567	-
+ Các khách hàng khác	358.068.144	214.484.345
Cộng	944.073.711	684.730.280

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng hàng hóa	300.801.063	115.132.054.788	115.094.001.114	338.854.737
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	205.060.200	26.917.581.260	27.084.477.972	38.163.488
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.232.718.931	2.232.718.931	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.057.084.184	10.137.958.021	10.321.631.822	873.410.383
Thuế thu nhập cá nhân	533.125.021	3.886.253.320	4.003.166.406	416.211.935
Các loại thuế khác	1.182.906	77.536.807	59.090.066	19.629.647
Cộng	2.097.253.374	158.384.103.127	158.795.086.311	1.686.270.191

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 26

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2018	01/01/2018		
18. Chi phí phải trả				
Ngắn hạn	122.132.259	3.480.843.463		
Chi phí lãi vay	122.132.259	77.068.226		
Trích trước chương trình bán hàng	-	3.359.647.292		
Chi phí phải trả khác	-	44.127.945		
Cộng	122.132.259	3.480.843.463		
19. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2018	01/01/2018		
Ngắn hạn	-	852.422.500		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	852.422.500		
Cộng	-	852.422.500		
20. Phải trả khác	31/12/2018	01/01/2018		
a. Ngắn hạn				
Tài sản thừa chờ giải quyết	78.700.546	120.830.481		
Kinh phí công đoàn	420.154.989	704.375.705		
Bảo hiểm xã hội	515.217.629	-		
Phải trả về chiết khấu thương mại	4.171.482.091	4.546.658.854		
Phải trả lãi ký quỹ	284.304.641	286.536.528		
Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển, thanh toán	35.967.399	176.978.380		
Phải trả chiết khấu thanh toán	266.280.665	5.609.648.031		
Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	581.627.307	1.536.347.493		
Phải trả về nhận đối hàng cho khách hàng	1.820.826.941	1.740.753.633		
Cổ tức phải trả	732.555.250	938.157.000		
+ Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I	-	214.500.000		
+ Cổ đông khác	732.555.250	723.657.000		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.423.753.710	2.547.851.759		
Cộng	14.330.871.168	18.208.137.864		
b. Dài hạn				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.429.254.000	4.068.254.000		
Cộng	3.429.254.000	4.068.254.000		
21. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2018	01/01/2018		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	159.052.131.356	159.052.131.356	68.399.813.159	68.399.813.159
Vay ngân hàng	157.835.901.947	157.835.901.947	67.624.597.443	67.624.597.443
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (1)	-	-	1.419.849.600	1.419.849.600

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Tp. HCM (2)	42.903.780.000	42.903.780.000	8.849.900.000	8.849.900.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp. HCM (3)	34.035.392.400	34.035.392.400	11.957.429.100	11.957.429.100
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (4)	46.706.628.968	46.706.628.968	13.237.278.400	13.237.278.400
+ Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	32.160.140.343	32.160.140.343
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Mộc Hòa-CNLA (5)	34.190.100.579	34.190.100.579	-	-
Vay cá nhân (6)	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.146.229.409	1.146.229.409	705.215.716	705.215.716
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (7)	379.790.817	379.790.817	348.141.596	348.141.596
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Sao Việt (8)	165.851.466	165.851.466	206.558.828	206.558.828
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Song Hiệp Lợi (9)	143.137.130	143.137.130	150.515.292	150.515.292
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Ô Tô Phú Mỹ (10)	457.449.996	457.449.996	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.258.962.436	8.258.962.436	3.121.400.529	3.121.400.529
Vay ngân hàng	6.734.000.000	6.734.000.000	2.374.000.000	2.374.000.000
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Tp. HCM (11)	6.734.000.000	6.734.000.000	2.374.000.000	2.374.000.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nợ thuê tài chính dài hạn	1.524.962.436	1.524.962.436	747.400.529	747.400.529
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Sao Việt (12)	-	-	180.427.942	180.427.942
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Song Hiệp Lợi (13)	-	-	155.532.534	155.532.534
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (14)	-	-	411.440.053	411.440.053
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Ô Tô Phú Mỹ (15)	1.524.962.436	1.524.962.436	-	-
Cộng	167.311.093.792	167.311.093.792	71.521.213.688	71.521.213.688

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng gồm các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
2. Hợp đồng tín dụng số 700-LAV-201801577 ngày 24/10/2018. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh. Hạn mức: 80 tỷ đồng.	7 tháng kể từ ngày nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	42.903.780.000	Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 1700-LCL-201500653-01 ngày 12/10/2016. Giá trị tài sản là 89.820.000.000 đồng.
3. Hợp đồng tín dụng số 216/2017-HĐTDHM/NHCT902-SPC ngày 18/10/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hạn mức: 150 tỷ đồng	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	34.035.392.400	-Thế chấp quyền tài sản theo hợp đồng số 172/2015-HĐTC/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015. -Thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 025/2014/HĐTC-KHDN ngày 07/05/2014. -Thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 101/2013-HĐTC-KHDN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 29

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Văn bản số 338/2017/5778006/HĐTD ngày 28/04/2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số								
4. 383/2014/5778006/HĐ ngày 28/04/2014. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C. Hạn mức: 150 tỷ đồng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	46.706.628.968	Tin chấp				
<p>Đây là khoản vay tại NH TMCP Công Thương VN - CNLA theo Hợp đồng tín dụng số 1867/2018-HĐCVHM/NHCT700-MJC ngày 06/08/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng xăng dầu, bách hóa tổng hợp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ không quá 06 tháng đối với Phân bón + thuốc BVTV và không quá 03 tháng đối với bách hóa tổng hợp + xăng dầu;</p>								
5.	Không quá 05 tháng Theo từng hợp đồng	6% - 6,5%	34.190.100.579	Thế chấp 4 quyền sử dụng đất và 1 xe ô tô				
<p>Hợp đồng tín dụng 1700-LAV-201701181 ngày 28/08/2017. Mục đích vay: Xây dựng kho thành phẩm 36m x 78m tại Lô C1-C3, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM Hạn mức: 11.700.000.000 đồng.</p>								
10.	84 tháng	8,00%	6.734.000.000	Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng số 1700-LCL-201701010 ngày 28/08/2017. Giá trị tài sản là 16.770.000.000 đồng.				

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 30

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh khoản vay cá nhân

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
6. Khoản vay cán bộ công nhân viên theo thông báo của Công ty ngày 11/05/2011	-	8,00%	70.000.000	Tin chấp

Thuyết minh các khoản nợ thuế tài chính

Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn thuê	Lãi suất	Số dư	Mục đích thuê
7; 14. Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00196-000 ngày 09/10/2015. Hạn mức: 2.036.467.000 đồng.	48 tháng	8,20%	379.790.817	Mua tài sản - đây chuyển thiết bị nghiên sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng WP QYT-400
8; 12. Hợp đồng mua bán 3 bên số 02/VILC-SPC/2016 căn cứ trên hợp đồng cho thuê tài chính số 2016-00102-000 ngày 09/06/2016	36 tháng	8,38%	165.851.466	Mua thiết bị phân tích phân bố kích thước hạt horiba
9; 13. Hợp đồng mua bán 03 bên số 01/VILC-SPC/2016 căn cứ trên hợp đồng cho thuê tài chính số 2016-00102-000 ngày 15/06/2016	36 tháng	8,38%	143.137.130	Mua máy chiết rót thuốc bảo vệ thực vật
10; 15. Hợp đồng mua bán 03 bên số 01/VILC-SPC/2018 ngày 09/2/2018 căn cứ trên hợp đồng thuê tài chính số 2018-00012-000 ngày 23/2/2018	60 tháng	8,96%	1.982.412.432	Mua tài sản - 05 chiếc xe Ford Ranger và phụ tùng kèm theo

c. Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm đến 5 năm	192.242.356	2.110.379.329	152.514.344	751.441.428
Cộng	192.242.356	2.110.379.329	152.514.344	751.441.428

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 31

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Giá trị nợ thuế tài chính

	Năm nay		Năm trước	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
- Giá gốc nợ thuế tài chính	2.671.191.845	2.671.191.845	1.452.616.245	1.452.616.245

Khoản thuế tài chính này có giá trị không thay đổi qua các kỳ thanh toán, khoản thanh toán nợ gốc từng đợt và lãi thuế tài chính phải trả có lãi suất cố định trong suốt thời gian thuê - qui định được thể hiện rõ trong nội dung của hợp đồng thuê tài chính.

	31/12/2018		01/01/2018	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
e. Khoản vay cá nhân đối với các bên liên quan				
- Nguyễn Quốc Dũng	54.000.000	-	54.000.000	-
Cộng	54.000.000	-	54.000.000	-

22. Dự phòng phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả khác (Chi phí xử lý hàng tồn kho hết niên hạn, kém phẩm chất đã được trích dự phòng)	-	3.306.907.000
Cộng	-	3.306.907.000

23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.528.027.346	-
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định Giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.356.930.796	1.528.027.346
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.894.526.899)	(1.528.027.346)
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	65.623.449	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	6.568.498.736	6.083.006.753
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đầu năm	6.083.006.753	5.326.596.229
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	419.868.535	756.410.525
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	65.623.449	-
Cộng	8.096.526.082	6.083.006.753

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 32

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 43.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp Công ty mẹ-Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV	59,33%	62.470.200.000	62.470.200.000
Vốn góp của các cổ đông khác	40,67%	42.829.800.000	42.829.800.000
Cộng	100,00%	105.300.000.000	105.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn góp của chủ sở hữu	105.300.000.000	105.300.000.000
Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.206.470.000	15.795.000.000

d. Cổ tức

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường

	Năm 2018	Năm 2017
	17%	15%

d. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.530.000	10.530.000
Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000
Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	39.512.727.596	32.457.814.213
Cộng	39.512.727.596	32.457.814.213

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

25. Chênh lệch tỷ giá

	Năm 2018	Năm 2017
Số dư đầu năm	8.455.532.463	8.372.019.776
Số tăng trong năm	825.177.326	83.512.687
+ Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	825.177.326	83.512.687
Số giảm trong năm	-	-
Cộng	9.280.709.789	8.455.532.463

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2018	01/01/2018
a. Ngoại tệ các loại	Giá trị	Giá trị
USD	613,50	29.565,68
Cộng	613,50	29.565,68
b. Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2018	01/01/2018
VND	VND	
- Công ty TNHH Vinh Hiền	21.224.845	21.224.845
- Hợp tác xã Thịnh Phát	26.018.647	26.018.647
- Cửa hàng Văn Xinh	66.238.251	66.238.251
- Ông Trần Hoàng Nam	26.000.000	26.000.000
- Ông Giang Minh Tường	17.147.520	17.147.520
- Ông Đinh Đoàn Đơn Vương	12.975.674	12.975.674
- Ông Lê Thanh Tùng	12.339.549	12.339.549
- Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Minh Trí	21.889.448	21.889.448
- Các đối tượng khác	464.790.627	464.790.627
Cộng	668.624.561	668.624.561

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1.272.128.494.373	1.254.545.551.362
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.305.675.629	3.281.289.098
Cộng	1.275.434.170.002	1.257.826.840.460
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm 2018	Năm 2017
Shopping Centre Kiến Tường	1.809.754.636	2.943.571.908
Cơ sở Sản xuất Nước Việt	-	31.323.744
Cộng	1.809.754.636	2.974.895.652

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2018	Năm 2017
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	23.077.894.118	16.138.249.662
Giảm giá hàng bán	10.374.711.161	156.320.542
Hàng bán bị trả lại	846.278.532	12.456.674.752
Cộng	34.298.883.811	28.751.244.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.237.829.610.562	1.225.794.306.406
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.305.675.629	3.281.289.098
Cộng	1.241.135.286.191	1.229.075.595.504
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán hàng hóa, thành phẩm	1.065.201.681.054	1.001.412.728.273
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.893.114.772	1.777.467.170
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.277.799.427)	823.868.865
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(36.331.949.516)	(15.161.919.838)
Cộng	1.020.485.046.883	988.852.144.470
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	351.575.104	1.232.732.684
Lãi tiền gửi kỳ quỹ	19.607.700	28.716.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	90.069.682
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.055.426.183	4.162.374.099
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.927.211.848	1.040.280.246
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	619.060.573	1.172.633.150
Doanh thu hoạt động tài chính khác	86.869.880	-
Cộng	6.059.751.288	7.726.805.861
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay và thuê tài chính	8.299.275.050	3.821.325.006
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	7.560.973.171	8.724.520.959
Lãi nhận kỳ quỹ, ký cược	166.088.111	197.977.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.771.454.560	6.718.690.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	912.842.396	686.218.023
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(126.446.280)	(1.447.842.504)
Chi phí tài chính khác	60.583.325	515.140.127
Cộng	26.644.770.333	19.216.030.341

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 35

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2018	Năm 2017
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	62.829.074.505	70.284.239.562
Chi phí vật liệu, bao bì	15.246.694.840	13.783.771.833
Chi phí thuê mặt bằng, nhà trọ	7.924.529.078	6.170.015.579
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, kiểm định, kiểm nghiệm	8.112.829.177	8.531.037.652
Chi phí quảng cáo, tuyên truyền	1.503.213.358	944.607.352
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.164.947.958	892.375.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.762.464.678	3.703.077.053
Chi phí bằng tiền khác	24.405.421.151	48.977.824.770
Cộng	125.949.174.745	153.286.949.027
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	13.808.001.626	14.006.436.372
Chi phí vật liệu, bao bì	1.841.035.845	1.701.780.214
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.282.679.453	1.325.514.107
Thuế, phí, lệ phí	429.318.903	369.263.563
Dự phòng phải thu khó đòi	2.120.537.247	2.639.291.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.908.678.042	4.385.156.731
Chi phí bằng tiền khác	7.325.397.012	10.423.418.496
Lợi thế thương mại	413.923.694	413.923.694
Cộng	32.129.571.822	35.264.785.114
8. Thu nhập khác		
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	633.533.563	2.983.089.445
Thu nhập từ bán phuy	5.065.454.550	5.331.636.367
Thu nhập cho thuê	1.815.889.673	1.734.809.507
Thanh lý tài sản cố định	222.716.493	484.444.647
Thu từ chương trình quay số may mắn	-	335.868.536
Thu tiền bồi thường đi đòi Trạm Xăng Dầu số 01	63.636.364	394.871.000
Các khoản khác	1.020.165.374	616.785.548
Cộng	8.821.396.017	11.881.505.050
9. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý hàng tồn kho	755.893.568	572.123.174
Phạt vi phạm hành chính	158.086.941	118.852.107
Các khoản khác	130.753.674	84.805.219
Cộng	1.044.734.183	775.780.500

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 36

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2018	Năm 2017
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.398.732.317.711	1.269.284.514.698
Chi phí nhân công	94.523.519.450	100.609.969.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.640.757.557	6.003.142.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.269.255.640	31.280.026.482
Chi phí khác bằng tiền	44.303.009.730	75.785.007.760
Cộng	1.579.468.860.088	1.482.962.661.561
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	10.133.642.374	11.814.587.529
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	7.291.802.661	9.034.109.425
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	2.841.839.713	2.780.478.104
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.133.642.374	11.814.587.529
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.503.795.358	1.412.854.980
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.018.303.374)	(656.444.456)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	485.491.984	756.410.525
13. Lãi trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.859.427.065	37.710.045.052
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	(7.647.567.052)
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(7.647.567.052)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.859.427.065	30.062.478.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	3.785	2.855
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	3.785	2.855

(*): Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(**): Theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHCĐ tại ngày 07 tháng 4 năm 2018 trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, khen thưởng Ban điều hành của năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 là 7.647.567.053 VND làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 từ 3.552 VND giảm xuống 2.855 VND.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2018	Năm 2017
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	671.046.933.149	365.417.487.618
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(576.475.628.645)	(333.007.845.692)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan và thành viên chủ chốt trong năm như sau:

Bên liên quan và thành viên chủ chốt	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	4.372.914.000	-
Shopping Centre Kiến Tường	Bên liên doanh	Bán hàng	1.809.754.636	218.152.942
		Mua hàng	143.110.129	(11.208.944)
Cơ sở Sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh	Phải trả khác	3.568.445.000	(2.225.055.329)
		Phải trả khác	639.407.934	(417.438.318)
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc	Vay ngắn hạn	-	(54.000.000)

	Năm 2018	Năm 2017	
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	275.100.000	273.000.000
Ban Giám đốc	Lương và thưởng	4.293.892.055	1.921.115.736
Cộng	4.568.992.055	2.194.115.736	

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận: xem trang 44.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 được trình bày lại theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 28/05/2018.

Tại ngày 01/01/2018:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu báo cáo trước kiểm toán Nhà nước	Số liệu báo cáo theo kiểm toán Nhà nước	Chênh lệch
Trên bảng cân đối kế toán				
Khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác"	136	3.718.347.279	3.811.053.694	92.706.415
Khoản mục "Phải trả cho người bán ngắn hạn"	311	448.019.245.589	449.094.042.389	1.074.796.800
Khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước"	313	1.072.621.918	1.294.358.367	221.736.449
Khoản mục "Phải trả người lao động"	314	27.984.709.623	26.264.762.653	(1.719.946.970)
Khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối"	421	45.740.956.527	46.257.076.663	516.120.136

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017 Số liệu báo cáo trước kiểm toán Nhà nước	Năm 2017 Số liệu báo cáo theo kiểm toán Nhà nước	Chênh lệch
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Khoản mục "Doanh thu hoạt động tài chính"	21	8.801.602.661	7.726.805.861	(1.074.796.800)
Khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp"	26	36.984.732.084	35.264.785.114	(1.719.946.970)
Khoản mục "Chi phí thuế TNDN hiện hành"	52	11.685.557.495	11.814.587.529	129.030.034
Khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp"	60	38.201.098.773	38.717.218.909	516.120.136

NGƯỜI LẬP BIỂU: *[Signature]*
 KẾ TOÁN TRƯỞNG: *[Signature]*
 GIẢM ĐỐC: *[Signature]*
 Bùi Thị Diễm Phúc
 Bùi Thị Ánh Tuyết
 Nguyễn Quốc Dũng
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 39

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
 BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	4.123.514.981	(61.271.010)	4.062.243.971	(187.717.290)
Shopping Centre Kiên Tường (1)	2.983.231.199	-	2.983.231.199	2.983.231.199
Cơ sở Sản xuất Nước Việt (2)	1.140.283.782	(61.271.010)	1.079.012.772	(187.717.290)
Cộng	4.123.514.981	(61.271.010)	4.062.243.971	(187.717.290)

(1) Theo hợp đồng liên doanh số 04.2015/HDLĐ ngày 15/10/2015 giữa Công ty với Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiên Tường có hiệu lực từ 13/7/2015 đến 31/12/2020, Công ty đã đầu tư số tiền 2.983.231.199 đồng mục đích kinh doanh bách hóa, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh (Công ty cam kết góp 80% tương đương 3.000.000.000 đồng trong 3.750.000.000 tổng vốn kinh doanh).

(2) Theo hợp đồng liên doanh số 06.2015/HDLĐ ngày 15/10/2015 giữa Công ty với Cơ sở sản xuất nước Việt có hiệu lực từ 10/8/2015 đến 31/12/2020, Công ty đã đầu tư số tiền 1.140.283.782 đồng mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh (Công ty cam kết góp 80% tương đương 1.700.283.782 đồng trong 2.125.354.727 tổng vốn kinh doanh).

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 40



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	105.300.000.000	782.715.818	8.372.019.776	21.458.634.818	42.143.842.910	178.057.213.322
- Lãi trong năm	-	-	-	-	37.710.045.052	37.710.045.052
- Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(17.014.568.400)	(17.014.568.400)
- Thủ lao HĐQT & BKS	-	-	-	-	(166.765.875)	(166.765.875)
- Tạm chi thù lao HĐQT & BKS năm 2017	-	-	-	-	(81.000.000)	(81.000.000)
- Tiền khen thưởng ban điều hành công ty năm 2016	-	-	-	-	(306.000.000)	(306.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	6.433.514.543	(6.433.514.543)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.319.109.712)	(6.319.109.712)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	83.512.687	-	-	83.512.687
- Truy thu, phạt chậm nộp thuế GTGT và TNDN từ năm 2008 đến năm 2013	-	-	-	-	(1.254.871.177)	(1.254.871.177)
- Tăng khác	-	1.307.000.000	-	7.608.265.644	3.884.956.660	12.800.222.304
- Giảm khác	-	(500.118.112)	-	(3.042.600.792)	(4.201.632.179)	(7.744.351.083)
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	1.589.597.706	8.455.532.463	32.457.814.213	47.961.382.736	195.764.327.118
Số dư đầu năm	105.300.000.000	1.589.597.706	8.455.532.463	32.457.814.213	47.961.382.736	195.764.327.118
- Lãi trong năm	-	-	-	-	39.859.427.065	39.859.427.065
- Chi trả cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(18.206.470.000)	(18.206.470.000)
- Thủ lao HĐQT & BKS	-	-	-	-	(500.700.000)	(500.700.000)
- Tạm chi thù lao HĐQT & BKS năm 2018	-	-	-	-	(83.100.000)	(83.100.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	7.123.614.414	(7.123.614.414)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	1.813.387.801	-	(7.063.767.053)	(7.063.767.053)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	121.765.650	3.042.600.792	893.550.146	1.813.387.801
- Giảm khác	-	-	(1.109.976.125)	(3.111.301.823)	(310.404.270)	(4.531.682.219)
Số dư cuối năm này	105.300.000.000	1.589.597.706	9.280.709.789	39.512.727.596	55.426.304.211	211.109.339.302

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong 43



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII.4.Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty chỉ kinh doanh trong lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý chủ yếu dựa trên các khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứ không dựa trên lĩnh vực kinh doanh. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được lập theo Khu vực địa lý và không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Đông	Tây Nguyên	Miền Tây	Công ty CP TM Mộc Hóa	Vương quốc Campuchia	Quốc gia Lào	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần											
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	206.301.055.086	20.666.816.542	225.153.077.558	53.792.628.248	196.629.572.666	366.297.839.043	268.669.585.411	3.624.711.637	1.241.135.286.191	-	1.241.135.286.191
Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	3.524.929.565	408.000.000	527.066.390.915	3.988.500	1.369.542.642	-	-	-	532.372.851.622	(532.372.851.622)	-
2. Chi phí											
Giá vốn	194.525.664.185	17.138.729.920	104.696.486.650	43.815.357.986	168.548.179.961	258.137.360.834	230.792.362.056	2.830.905.291	1.020.485.046.883	-	1.020.485.046.883
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh											
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	11.775.390.901	3.528.086.622	120.456.590.908	9.977.270.262	28.081.392.705	8.160.478.209	37.877.223.355	793.806.346	220.650.239.308	-	220.650.239.308
5. Tài sản bộ phận											
6. Tài sản không phân bổ	167.220.152.007	16.751.771.833	182.500.917.596	43.602.353.215	159.380.799.175	-	-	-	569.455.993.826	-	569.455.993.826
7. Nợ phải trả bộ phận											
8. Nợ phải trả không phân bổ	167.220.152.007	16.751.771.833	182.500.917.596	43.602.353.215	159.380.799.175	84.065.477.649	64.079.385.352	8.502.159.885	726.103.016.712	-	726.103.016.712
9. Nợ phải trả không phân bổ											
Tổng nợ phải trả	111.606.036.307	11.180.463.795	121.804.721.446	29.101.072.793	106.373.897.201	58.299.302.860	36.279.848.014	31.684.072.490	126.263.223.364	-	126.263.223.364
Tổng nợ phải trả	111.606.036.307	11.180.463.795	121.804.721.446	29.101.072.793	106.373.897.201	58.299.302.860	36.279.848.014	31.684.072.490	506.329.414.906	-	506.329.414.906

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong 44



THANK YOU!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng